**LỊCH SOẠN GIẢNG TUẦN 22** (Từ ngày: 13/2- 17/2/2023)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ | | Tiết | Môn | Tên bài dạy | GHI CHÚ |
| Hai  13/2 | *Sáng* | 64 | **HĐTN** | Thông báo kế hoạch tham quan cảnh đẹp quê hương |  |
| 253 | TV | Bài 112: ưu, ươu (Tiết 1) |  |
| 254 | TV | Bài 112: ưu, ươu (Tiết 2) |  |
| 64 | T | Các số đến 100 |  |
| *Chiều* | 22 | ĐĐ | Bài 9. Em với anh chị em trong gia đình (Tiết 1) |  |
|  | BDPĐ | Ôn ưu, ươu |  |
|  | HDTH | Ôn các số đến 100. |  |
| Ba  14/2 | *Sáng* | 65 | T | Chục và đơn vị |  |
| 255 | TV | Bài 113: oa, oe (Tiết 1) |  |
| 256 | TV | Bài 113: oa, oe (Tiết 2) |  |
| 43 | TNXH | **Thực hành: Quan sát cây xanh vàcác** **con vật**  Tiết 1: Từ đầu đến Hoạt động 1. |  |
| *Chiều* |  | HDTH | Ôn oa,oe |  |
|  | BDPĐ | Ôn Các số có 2 chữ số |  |
|  | HĐTN | Vừa vui vừa học |  |
| Tư  15/2 | *Sáng* | 257 | TV | Tập viết (sau bài 112,113) |  |
| 258 | TV | Bài 114: uê, ươ (Tiết 1) |  |
| 22 | AN | GVC |  |
| 259 | TV | Bài 114: uê, ươ (Tiết 2) |  |
| *Chiều* | 44 | TNXH | **Thực hành: Quan sát cây xanh vàcác** **con vật**  Tiết 2: Từ Hoạt động 2. |  |
| 43 | GDTC | GVC |  |
|  | BDPĐ | Ôn uê, ươ |  |
| Năm  16/2 | *Sáng* | 22 | MT | GVC |  |
| 260 | TV | Bài 115: uy, uya (Tiết 1) |  |
| 261 | TV | Bài 115: uy, uya (Tiết 2) |  |
| 66 | T | Các số có hai chữ số (từ 71 đến 99) |  |
| *Chiều* | 262 | TV | Tập viết (sau bài 114,115) |  |
|  | HDTH | Ôn uy, uya |  |
| 65 | **HĐTN** | Giữ gìn cảnh đẹp quê hương |  |
| Sáu  17/2 | *Sáng* | 44 | GDTC | GVC |  |
| 263 | TV | Bài 116. Kể chuyện Cây khế |  |
| 264 | TV | Bài 117. Ôn tập |  |
| 66 | **HĐTN** | Giới thiệu cảnh đẹp em yêu thích |  |
|  | BDPĐ | Ôn tập |  |
|  |  | HĐTN | Vừa vui vừa học |  |
|  | HDTH | Ôn Tập |  |

**NS: 11/2/2023**

**ND:13/2/2023**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM** ( T 64)

**PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO “BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUÊ HƯƠNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- HS hiểu được nội dung của phong trào “Bảo vệ môi trường quê hương mà nhà trường phát động trong tiết sinh hoạt dưới cờ.

\* **Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Bước đầu biết hợp tác với bạn qua hình thức làm việc nhóm đôi

- Kiên nhẫn, biết quan sát . Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:** Ổn định | HS thực hiện |
| - Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu tiên của năm học mới:  + Ổn định tổ chức.  + Chỉnh đốn trang phục, đội ngũ  + Đứng nghiêm trang  + Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca  + Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờm chương trình của tiết chào cờ.  + Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường. | * HS ổn định, tham gia * Hs đứng nghiêm * Hát Quốc ca, chào cờ |
| **B) Hoạt động Hình thành kiến thức mới** | |
| - GV giới thiệu và nhân mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:  + Thời gian của tiết chào cờ : là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần.  + Ý nghĩa của tiết chào cờ : giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kĩ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh. | * Hs lắng nghe |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |
| + Một số hoạt động của tiết chào cờ:  \* Thực hiện nghi lễ chào cờ  \* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần  \* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.  \* Góp phần giáo dục một số nội dung : AN toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống.  \* Gợi ý cách tiến hành:  - Bên cạnh các nội dung hoạt động khác trong tiết sinh hoạt dưới cờ của nhà trường, đại diện nhà trường lên phát động phong trào “Bảo vệ môi trường quê hương” (nêu nội dung của phong trào, chỉ ra các yêu cầu cho các lớp trong trường thực hiện).  - Đại diện HS hưởng ứng phát động của nhà trường và nêu lời hứa thực hiện.  - Các lớp thể hiện lời hứa của lớp mình bằng một bản cam kết phù hợp với HS của lớp. Mỗi khối lớp cử 1 đại diện đọc bản cam kết của khối lớp mình.  - Hoạt động văn nghệ (nếu có).) | * Hs tham gia * Hs vỗ tay |
| **D) Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm** | |
| - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS |  |

**Tiếng Việt (T253,254)**

Bài 112: **ưu, ươu**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần ưu, ươu; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần ưu, ươu.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần ưu, vần ươu.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Hươu, cừu, khướu và sói.

- Viết đúng các ưu, ươu, các tiếng (con) cừu, hươu (sao) cỡ nhỡ (trên bảng con).

\* **Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, máy chiếu, sách điện tử, vở bài tập...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1, 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:** GV bắt nhịp bài hát... | - HS hát... |
| **2. Kết nối:**  \* Kiểm tra bài cũ : Cho 2 HS tiếp nối nhau đọc bài Tập đọc Điều ước (bài 111, mỗi em đọc 1 đoạn).  \* Giới thiệu bài:  - GV giới thiệu vần ưu, vần ươu. | - HS xung phong đọc  - Lắng nghe. |
| **B) Hoạt động Hình thành kiến thức mới** | |
| **Chia sẻ và khám phá** (BT1: Làm quen)  \* Dạy vần ưu  a. Chia sẻ:  - GV chỉ từng chữ ư, u.  b. Khám phá:  - GV giới thiệu hình ảnh con cừu.  - Trong từ con cừu tiếng nào có vần ưu?  - Phân tích: vần ưu có âm ư đứng trước, vần u đứng sau.  - Phân tích: tiếng cừu có âm c đứng trước, vần ưu đứng sau.  - Đánh vần và đọc trơn: vần ưu, tiếng cừu.  + GV giới thiệu mô hình vần ưu.   |  |  | | --- | --- | | **ưu** | | | **ư** | **u** |   + GV giới thiệu mô hình tiếng cừu.   |  |  | | --- | --- | | **cừu** | | | **c** | **ừu** |   \* Dạy vần ươu  - GV chỉ từng chữ ươ, u  - GV giới thiệu hình ảnh hươu sao.  - Trong từ hươu sao tiếng nào có vần ươu?  - Phân tích: vần ươu gồm có 2 âm: âm đôi ươ đứng trước, âm u đứng sau.  - Đánh vần và đọc trơn: vần ươu; tiếng hươu.  - Yêu cầu HS so sánh sự giống và khác nhau của 2 vần: ưu, ươu  \* Củng cố:  - Các em vừa học 2 vần mới là vần gì?  - Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình từng vần. | - 1 HS đọc: ư - u - ưu.  - Cả lớp: ưu.  - HS quan sát và nêu từ con cừu.  - Tiếng cừu có vần ưu  - HS nhắc lại (cá nhân, tập thể).  + HS (cá nhân, tổ, cả lớp): ư- u - ưu/ ưu.  + HS (cá nhân, tổ, cả lớp): c - ưu – huyền - cừu/ cừu.  - 1 HS đọc: ươ - u - ươu.  - Cả lớp: ươu.  - HS quan sát  - Tiếng hươu có vần ươu.  - HS nhắc lại (cá nhân, tập thể).  - Đánh vần và đọc trơn:  + ươ - u - ươu.  + h - ươu- hươu/ hươu;  - Vần ưu giống vần ươu: đều kết thúc bằng âm u. Vần ưu khác vần ươu: vần ưu có âm đầu là ư, vần ươu có âm đầu là ươ.  - Vần ưu, ươu  - Tiếng cừu, hươu  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn. |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |
| **1. Mở rộng vốn từ**  BT 2 : Sút bóng vào hai khung thành cho trúng - tổ chức vui  - GV chỉ hình, nêu YC: Mỗi HS là 1 cầu thủ, cần sút trúng bóng vào khung thành có vần ưu, có vần ươu.  - GV chỉ từng quả bóng,  - Cho HS làm bài.  - 2 HS lên bảng thi sút bóng.  - Cho HS báo cáo kết quả.  - GV cùng HS bình chọn.  - GV chỉ từng quả bóng.  **2. Tập viết bảng con - (BT 4).**  a) Đọc:  - GV cho HS đọc lại các vần, tiếng vừa học: ưu, ươu, con cừu, hươu sao.  b) GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  - Vần ưu: viết ư trước, u sau (ư, u cao 2 li); chú ý nối nét giữa ư và u.  - Vần ươu: viết ươ trước, u sau; chú ý nối nét giữa ư và u. (ư, ơ và u cao 2 li).  - cừu: viết c trước, ưu sau, dấu huyền đặt trên âm ư.  - hươu : viết h trước, ươu sau.  c) Viết bài  - GV cho HS trên bảng con: cừu, hươu  - GV cho HS viết: (con) cừu, (con) hươu.  \* Thời gian HS tập viết bảng con khoảng 15 phút.  **\* TIẾT 2**  **3. Tập đọc (BT 3)**  a) GV chỉ hình minh hoạ bài Hươu, cừu, khướu và sói, giới thiệu hình ảnh từng con vật: hươu, cừu, khướu và sói.  b) GV đọc mẫu, nhấn giọng các từ ngữ gợi tả, gợi cảm; đọc lời kêu cứu của cừu, tiếng la to của khướu với giọng phù hợp.  - Giải nghĩa: be : tiếng cừu hoặc dễ kêu to, co giò chạy : co cao chân chạy vội.  c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): hươu, cừu, khướu, suối, mò tới, thấy vậy, co giò chạy, lao tới vồ, cứu tôi với, chạy mất.  - GV hướng dẫn HS : Có thể đánh vần nhẩm trước khi đọc trơn.  - GV đọc mẫu.  - GV cho HS luyện đọc.  - GV nhận xét, sửa lỗi sau mỗi lần HS đọc.  d) Luyện đọc câu.  - GV: GV chỉ từng câu và hỏi : Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ: GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu (3 và 4), (7 và 8).  - Cho HS đọc tiếp nối từng câu. (đọc liền 2 câu ngắn)  - GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS;  - Nhắc HS thi đua để lượt sau đọc tốt hơn lượt trước. Từ nào HS không đọc được thì có thể đánh vần hoặc cả lớp đánh vần giúp bạn.  e) Thi đoạn, bài.  - GV chia bài thành 2 đoạn (5 câu / 4 câu)  - GV cho HS đọc tiếp nối.  - GV cho HS thi đọc tiếp nối giữa các cặp.  - GV nhận xét.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV giải thích: BT đã đánh số thứ tự cho tranh 1, 2, 5. Các em cần đánh số thứ tự cho 2 tranh còn lại. Chú ý quan sát màu sắc các lưỡi rìu để đánh số cho đúng  - YC HS làm bài vào VBT  - Cho HS báo cáo: thứ tự đúng.  - GV chỉ từng tranh theo thứ tự đúng.  GV: Em thích nhân vật nào? Vì sao?  - GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì?  - GV: Câu chuyện khen ngợi những người bạn tốt biết giúp nhau, chống lại kẻ ác.  \* GV cho HS đọc lại nội dung bài | - Lắng nghe  - 1 HS đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: ốc bươu, quả lựu, ngải cứu,...  - HS đọc thầm, làm bài.  - 2 HS lên bảng thi sút bóng (dùng phấn nối bóng với khung thành). Cầu thủ 1 sút bóng có vần ưu vào khung thành ưu. Cầu thủ 2 sút bóng có vần ươu vào khung thành ươu.  - Báo cáo kết quả: Sút bóng có tiếng bươu vào khung thành vần ươu,... Cả lớp bình chọn người thắng cuộc (sút đúng, nhanh).  - Cả lớp bình chọn người thắng cuộc (sút đúng, nhanh).  - cả lớp: Tiếng bươu có vần ươu. Tiếng lựu có vần ưu.  - HS nhìn bảng lớp, đọc lại các vần, tiếng vừa học.  - Lắng nghe, ghi nhớ cách viết.  - HS viết 2 lần.  - HS viết 2 lần  - HS quan sát.  - Lắng nghe giới thiệu  - HS theo dõi, đọc thầm.  - Lắng nghe  - Theo dõi, đọc thầm.  - Nghe và thực hiện (cá nhân, cả lớp).  - Theo dõi.  - HS đọc 2-3 lần (cá nhân, cả lớp)  - HS đếm rồi trả lời : 12 câu.  - 1 HS đọc, cả lớp đọc  - HS đọc (cá nhân, từng cặp).  - Theo dõi.  - HS tập đọc (theo cặp, tổ).  - Các cặp thi đua.  - HS theo dõi  - HS làm bài vào VBT, viết số thứ tự cho tranh 3 và 4.  - HS báo cáo: thứ tự đúng là :a - 3; b - 1; c- 2.  - 1 HS giỏi nói nội dung câu chuyện:  a) Cừu - 3) kêu to để cứu hươu.  b) Khướu - 1) làm sói sợ, bỏ cừu, chạy mất.  c) Ba bạn - 2) từ đó thân nhau.  - Cả lớp đọc lại kết quả; ghi lại vào VBT.  - HS có thể thích cừu vì cừu tốt bụng, thấy sói đến, báo có sói để hươu trốn chạy. Có thể thích khướu vì khướu thông minh, la to “Hổ tới kìa!”, để đánh lừa, doạ sói, khiến sói sợ, bỏ cừu, chạy mất.  - HS phát biểu. |
| **D) Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm** | |
| - Phụ đạo, bồi dưỡng học sinh.  - Về nhà đọc cho người thân nghe đoạn mà em thích.  - Nhận xét tiết học. | \* **Phụ đạo, bồi dưỡng HS**  - HSHT:  + HS đọc đọc nối tiếp đọc bài: **Hươu, cừu, khướu và sói**  + HS viết bảng con: hưu, cừu, khướu, thân nhau, cứu giúp.  -HSCT:  + HS đọc lại các âm vần còn nhầm lẫn, chưa ghi nhớ.  + Đọc lại bài **ưu, ươu**.- HS lắng nghe. |

**Toán**( T64)

**CÁC SỐ ĐẾN 100**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

-Nhận biết số 100 dựa trên việc đếm tiếp hoặc đếm theo nhóm mười.

-Đếm, đọc, viết số đến 100; Nhận biết được bảng các số từ 1 đến 100.

-Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

\* **Phát triển các NL toán học:**

- Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, máy chiếu, ti vi, sách điện tử, giáo án.

- Tranh khởi động.

- Bảng các số từ 1 đến 100.

- Các phiếu in bảng các số từ 1 đến 100 như bài 1

- Vở, SGK, vở bài tập...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:** | - HS quan sát tranh khởi động, đếm tiếp đến 100 từ một số bất kì, chẳng hạn:  81; 82; ,...;99; 100;  90; 91; ,...;99; 100;  87; 88; ....; 99; 100; |
| **2. Kết nối:**  \* Giới thiệu bài: **CÁC SỐ ĐẾN 100** |  |
| **B) Hoạt động Hình thành kiến thức mới** | |
| - GV gắn băng giấy lên bảng (đã che số 100), HS đếm theo các số trong băng giấy: | - Theo dõi  - HS nhận biết số 100 bằng cách đếm tiếp. GV cầm thẻ số 100 gắn vào ô trống rồi chỉ vào số 100, giới thiệu số 100, cách đọc và cách viết.  - HS viết “100”, đọc “một trăm” (hoặc gài thẻ số 100). |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 1. Mục tiêu là nhận biết Bảng các số từ 1 đến 100 | - HS đọc các số còn thiếu ở mỗi ô ? (HS nên điền vào phiếu, tự tạo lập bảng các số từ 1 đến 100 của mình để sử dụng về sau).  GV chữa bài và giới thiệu: “Đây là Bảng các sổ từ 1 đến 100''. |
| - GV đặt câu hỏi để HS nhận ra một số đặc điểm của Bảng các sò từ 1 đến 100, chẳng hạn: |  |
| + Bảng này có bao nhiêu số?  + Nhận xét các số ở hàng ngang. Nhận xét các số ở hàng dọc  + Nếu che đi một hàng (hoặc một cột), hãy đọc các số ở hàng (cột) đó. |  |
| - GV chỉ vào Bảng các số từ 1 đến 100 giới thiệu các số từ 0 đến 9 là các số có một chữ số; các số từ 10 đến 99 là các số có hai chữ số. |  |
| - GV hướng dẫn HS nhận xét một cách trực quan về vị trí “đứng trước”, “đứng sau” của mỗi số trong | - HS tự đặt câu hỏi cho nhau về Bảng các số từ 1 đến 100 |
| Bảng các số từ 1 đến 100.  Bài 2.  - Đọc số hoặc đặt thẻ sổ thích hợp vào mỗi ô ghi dấu “?”. | - HS thực hiện các thao tác:  - Đọc cho bạn nghe kết quả và chia sẻ cách làm. |
| Bài 3. | HS thực hiện các thao tác:-Quan sát mẫu: Bạn voi muốn đem xem có tất cả bao nhiêu chiếc chìa khoá, bạn voi có cách đếm thông minh: 10, 20, ..., 90, 100.  - HS cùng đếm 10, 20, ..., 100 rồi trả lời: “Có 100 chiếc chìa khoá”.  - HS thực hiện tương tự với tranh cà rốt và tranh quả trứng rồi chia sẻ với bạn cùng bàn. |

|  |  |
| --- | --- |
| **D) Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm** | |
| -Trong cuộc sống, em thấy người ta dùng số 100 trong những lình huống nào?  - GV khuyến khích HS biết ước lượng số lượng trong cuộc sống  - Bài học hôm nay, em đã biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  -Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  -Các em đã nhìn thấy số 100 ở những đâu? | - HS có cảm nhận về số lượng 100 thông qua hoạt động lấy ra 100 que tính (10 bó que tính 1 chục). |

ĐẠO ĐỨC

BGH

BỒI DƯỠNG PHỤ ĐẠO

**Ôn vần ưu - ươu**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Ôn lại các vần đã học.

- Luyện đọc: **Hươu, cừu, khướu và sói**

- Luyện viết: một đoạn: “Hươu ra suối uống nước…. la to.” Trong bài **Hươu, cừu, khướu và sói.**

**II. CHUẨN BỊ:**

* Bảng phụ (có dòng kẻ ô li) viết câu văn cần viết

**III.****CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. Kiểm tra bài cũ:**

**-** Nhắc lại 2 vần vừa học, phần tích,đánh vấn, so sánh…

a. Ôn lại các vần vừa học

HS đọc cá nhân – nhóm

b. Luyện đọc:

\* Đọc từ

Đọc bài “**Hươu, cừu, khướu và sói**”

- HS đọc nối tiếp câu, đoạn.

- Tìm hiểu bài.

+Bài gồm mấy câu?

+ Hươu ra suối uống nước thì con gì mà tới?

+ Thấy vậy con gì kêu lên?

+ Nghe tiếng kêu Hươu đã làm gì?

+ Sói đã làm gì con Cừu?

+ Con nào cứu cừu, bằng cách nào?

+ Cuối cùng câu chuyện kết thúc như thế nào?

+ Trong câu chuyện này em thích nhất nhân vật nào, vì sao?

c. Luyện viết: (GV đọc hs viết nội dung sau và thực hiện đúng quy trình viết)

**Hươu, cừu, khướu và sói**

Hươu ra suối uống nước. Sói mò tới. Cừu thấy vậy, be to: “Có sói!”. Nghe tiếng cừu, Hươu co giò chạy. Sói thấy vậy lao tới vồ cừu. Cừu kêu:

-Cứu tôi với!

GV chấm nhận xét

**3. Củng cố - dặn dò:**

Đọc lại nội dung bài vừa luyện đọc, luyện viết

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

các sỐ đẾn 100

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Nhận biết số 100 dựa trên việc đếm tiếp hoặc đếm theo nhóm mười.
* Đếm, đọc, viết số đến 100; Nhận biết được bảng các số từ 1 đến 100.
* Phát triển các NL toán họcNL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

* Tranh khởi động.
* Bảng các số từ 1 đến 100.
* Các phiếu in bảng các số từ 1 đến 100 như bài 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **A. Hoạt động khởi động** | - HS quan sát tranh khởi động, đếm tiếp đến 100 từ một số bất kì, chẳng hạn:  81; 82; ,...;99; 100;  90; 91; ,...;99; 100;  87; 88; ....; 99; 100; |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  - GV gắn băng giấy lên bảng (đã che số 100), HS đếm theo các số trong băng giấy: | - Theo dõi  - HS nhận biết số 100 bằng cách đếm tiếp. GV cầm thẻ số 100 gắn vào ô trống rồi chỉ vào số 100, giới thiệu số 100, cách đọc và cách viết.  - HS viết “100”, đọc “một trăm” (hoặc gài thẻ số 100). |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1.** Mục tiêu là nhận biết Bảng các số từ 1 đến 100 | - HS đọc các số còn thiếu ở mỗi ô ? (HS nên điền vào phiếu, tự tạo lập bảng các số từ 1 đến 100 của mình để sử dụng về sau).  GV chữa bài và giới thiệu: “Đây là Bảng các sổ từ 1 đến 100''. |
| - GV đặt câu hỏi để HS nhận ra một số đặc điểm của Bảng các sò từ 1 đến 100, chẳng hạn: |  |
| + Bảng này có bao nhiêu số?  + Nhận xét các số ở hàng ngang. Nhận xét các số ở hàng dọc  + Nếu che đi một hàng (hoặc một cột), hãy đọc các số ở hàng (cột) đó. |  |
| - GV chỉ vào Bảng các số từ 1 đến 100 giới thiệu các số từ 0 đến 9 là các số có một chữ số; các số từ 10 đến 99 là các số có hai chữ số. |  |
| - GV hướng dẫn HS nhận xét một cách trực quan về vị trí “đứng trước”, “đứng sau” của mỗi số trong Bảng các số từ 1 đến 100. | - HS tự đặt câu hỏi cho nhau về Bảng các số từ 1 đến 100 |
| **Bài 2**.  - Đọc số hoặc đặt thẻ sổ thích hợp vào mỗi ô ghi dấu “?”. | - HS thực hiện các thao tác:  - Đọc cho bạn nghe kết quả và chia sẻ cách làm. |
| Bài 3. | HS thực hiện các thao tác:-Quan sát mẫu: Bạn voi muốn đem xem có tất cả bao nhiêu chiếc chìa khoá, bạn voi có cách đếm thông minh: 10, 20, ..., 90, 100.  - HS cùng đếm 10, 20, ..., 100 rồi trả lời: “Có 100 chiếc chìa khoá”.  - HS thực hiện tương tự với tranh cà rốt và tranh quả trứng rồi chia sẻ với bạn cùng bàn. |
| **D. Hoạt động vận dụng**  -Trong cuộc sống, em thấy người ta dùng số 100 trong những lình huống nào?  - GV khuyến khích HS biết ước lượng số lượng trong cuộc sống. | - HS có cảm nhận về số lượng 100 thông qua hoạt động lấy ra 100 que tính (10 bó que tính 1 chục). |
| **Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em đã biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  -Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  -Các em đã nhìn thấy số 100 ở những đâu? |  |

**NS: 11/2/2023**

**ND:14/2/2023**

**Toán(T65)**

**CHỤC VÀ ĐƠN VỊ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

-Biết 1 chục bằng 10 đơn vị.

-Biết đọc, viết các số tròn chục.

-Bước đầu nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.

-Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

-Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

\* **Phát triển các NL toán học:**

- Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

- Thông qua việc quan sát, phân tích cấu tạo của số có hai chữ số, xác định được giá trị của mỗi số dựa vào vị trí của số đó, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, máy chiếu, ti vi, sách điện tử, giáo án.

-10 khối lập phương, 10 que tính, 10 hình tròn.

-Các thanh 10 khối lập phương hoặc bó 10 que tính.

-Bảng chục - đơn vị đã kẻ sẵn.

- Vở, SGK, vở bài tập...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:**  - HDHS quan sát tranh nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? Hai bạn trong tranh đang làm gì? Nói gì?  - GV nhận xét dẫn dắt vào bài. | - HS quan sát tranh nói cho bạn nghe |
| **2. Kết nối:**  \* Giới thiệu bài: **CHỤC VÀ ĐƠN VỊ** |  |
| **B) Hoạt động Hình thành kiến thức mới** | |

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Nhận biết 1 chục (qua thao tác trực quan) | - HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn: |
| - Ghép 10 khối lập phương thành 1 thanh. Nói: “Có 10 khối lập phương, có 1 chục khối lập phương”. |  |
| - Bó 10 que tính thành 1 bó. Nói: “Có 10 que tính, có 1 chục que tính”. |  |
| - Xếp 10 hình tròn thành một cụm. Nói: “Có 10 hình tròn, có 1 chục hình tròn”. |  |
| b) HS nêu các ví dụ về “1 chục”. Chẳng hạn: Có 10 quả trứng, có 1 chục quả trứng. |  |
| 2. Nhận biết các số tròn chục  - GV lấy 10 khối lập phương rời, xếp lại thành 1 thanh. Cho HS đếm và nói: Có 10 khối lập phương, có 1 chục khối lập phương. HS đọc: mười - một chục. | - HS đếm và nói: Có 10 khối lập phương, có 1 chục khối lập phương. HS đọc: mười - một chục. |
| - GV lấy 20 khối lập phương rời, xếp lại thành 2 thanh. | - HS đếm và nói: Có 20 khối lập phương, có 2 chục khối lập phương. HS đọc: hai mươi - hai chục. |
| - Thực hiện tương tự với các số 30, ..., 90.  - GV giới thiệu cho HS: Các số 10, 20, ..., 90 là các số tròn chục. |  |
| 3. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”  - Cho HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính, ... theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: Lấy ra đủ 3 chục que tính, lấy thẻ số 30 đặt cạnh những que tính vừa lấy. |  |

|  |
| --- |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** |

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 1.  - Đem số que tính, đọc kết quả cho bạn nghe. Chẳng hạn: Có 60 que tính, có 6 chục que tính. | - HS thực hiện các thao tác: |
| - GV có thể đưa thêm một số ví dụ khác để HS thực hành. |  |
| - Khi chữa bài, GV đặt câu hỏi để HS nói cách làm của mình. Quan sát và lắng nghe cách đếm của HS.  Tương tự cách đếm bát: Có 8 chục cái bát. |  |
| Bài 2. – Cho HS quan sát băng giấy để tìm quy luật của các số ghi trên băng giấy. Đọc các số còn thiếu. Nhấn mạnh: Các số 10, 20, ..., 90 là các số tròn chục. | - HS thực hiện các thao tác: |
| Bài 3  - HS chơi trò chơi theo nhóm. Mỗi bạn lấy ra vài chục đồ vật và nói số lượng. Chẳng hạn: Có 2 chục khối lập phương, có 1 chục bút màu, có 3 chục que tính, ...  - Phụ đạo, bồi dưỡng học sinh. | - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác đặt câu hỏi cho nhóm trình bày. Chẳng hạn: 3 chục que tính là bao nhiêu que tính? Bằng cách nào bạn lấy đủ 3 chục que tính?  \* **Phụ đạo, bồi dưỡng HS**  - HSHT:  + Đọc các số tròn chục: 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80. 90  + HS viết vở các số tròn chục (mỗi chữ một dòng)  -HSCT:  + HS đọc lại các số tròn chuc  + GV đọc cho học sinh viết vào bảng con từng số tròn chục |

**Tiếng Việt** ( T 255,256)

Bài 113: **oa, oe**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần oa, oe; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần oa, oe.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần oa, vần oe.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Hoa loa kèn.

- Viết đúng các oa, oe, các tiếng (cái) loa, (chích) chòe cỡ nhỡ (trên bảng con).

\* **Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, máy chiếu, sách điện tử, vở bài tập...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1, 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:** GV bắt nhịp bài hát... | - HS hát... |
| **2. Kết nối:**  \* Kiểm tra bài cũ :  - 1 HS đọc bài Tập đọc Hươu, cừu, khướu và sói.  - 1 HS nói tiếng ngoài bài có vần ưu, ươu em tìm được.  \* Giới thiệu bài:  - GV giới thiệu vần oa, vần oe. | - HS xung phong đọc  - Lắng nghe |
| **B) Hoạt động Hình thành kiến thức mới** | |
| **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  \* Dạy vần oa  a. Chia sẻ:  - GV chỉ từng chữ o, a.  b. Khám phá:  - GV giới thiệu hình ảnh cái loa.  - Trong từ cái loa tiếng nào có vần oa?  - Phân tích: vần oa có âm o đứng trước, vần a đứng sau.  - Phân tích: tiếng loa có âm l đứng trước, vần oa đứng sau.  - Đánh vần và đọc trơn: vần oa, tiếng loa.  + GV giới thiệu mô hình vần oa.   |  |  | | --- | --- | | **Oa** | | | **o** | **A** |   + GV giới thiệu mô hình tiếng loa.   |  |  | | --- | --- | | **Loa** | | | **l** | **Oa** |   \* Dạy vần oe  - GV chỉ từng chữ o, e  - GV giới thiệu hình ảnh chích chòe.  - Trong từ chích chòe. tiếng nào có vần oe?  - Phân tích: vần oe gồm có 2 âm: âm o đứng trước, âm e đứng sau.  - Đánh vần và đọc trơn: vần oe; tiếng chòe.  - Yêu cầu HS so sánh sự giống và khác nhau của 2 vần: oa, oe  \* Củng cố:  - Các em vừa học 2 vần mới là vần gì?  - Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình từng vần. | - 1 HS đọc: o - a - oa.  - Cả lớp: oa.  - HS quan sát và nêu từ cái loa.  - Tiếng loa có vần oa.  - HS nhắc lại (cá nhân, tập thể).  + HS (cá nhân, tổ, cả lớp): o - a - oa / oa.  + HS (cá nhân, tổ, cả lớp): l - oa – loa/ loa.  - 1 HS đọc: o - e - oe.  - Cả lớp: oe.  - HS quan sát  - Tiếng chòe có vần oe.  - HS nhắc lại (cá nhân, tập thể).  - Đánh vần và đọc trơn:  + o - e - oe.  + ch – oe – huyền - chòe/ chòe;  - Vần oa giống vần oe: đều bắt đầu bằng âm o. Vần oa khác vần oe: vần oa có âm cuối là a, vần oe có âm cuối là e.  - Vần oa, oe  - Tiếng loa, chòe  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn. |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |
| **1. Mở rộng vốn từ** (BT 2 : Tiếng nào có vần oa? Tiếng nào có vần oe?)  - GV xác định YC  - YC HS đọc các từ ngữ.  - Tìm tiếng có vần oa, vần oe.  - Mời 2 HS báo cáo kết quả  - GV chỉ từng tiếng.  - Cho HS làm bài.  - GV cùng HS bình chọn.  **2. Tập viết bảng con - (BT 4).**  a) Đọc:  - GV cho HS đọc lại các vần, tiếng vừa học: oa, oe, cái loa, chích chòe.  b) GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  - Vần oa: viết o trước, a sau (o, a cao 2 li); chú ý nối nét giữa o và a.  - Vần oe: viết o trước, e sau; chú ý nối nét giữa o và e. (o và e cao 2 li).  - loa: viết l trước, oa sau.  - chòe : viết ch trước, oe sau, dấu huyền viết trên âm o.  c) Viết bài  - GV cho HS trên bảng con: loa, chòe  - GV cho HS viết: (cái) loa, (chích) chòe.  \* Thời gian HS tập viết bảng con khoảng 15 phút**.**  **\* TIẾT 2**  **3. Tập đọc (BT 3)**  a) GV chỉ hình minh hoạ bài đọc, giới thiệu hình ảnh hoa hồng, hoa cúc đại đoá mập, khoẻ, hoa loa kèn nở như chiếc loa xinh.  b) GV đọc mẫu: gây ấn tượng với các từ ngữ gợi tả (khoe sắc, mập, khoẻ, thô, nép sát, bật nở, toả hương).  - Giải nghĩa từ:  + thô: to, nhìn không đẹp;  + ngậm nụ : nụ hoa chúm chím, sắp nở.  c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): hoa loa kèn, muôn hoa khoe sắc, cúc đại đoá, xoè, khoẻ, nắng mai, nép sát, ngậm nụ, thì thầm, bật nở, toả hương.  - GV hướng dẫn HS : Có thể đánh vần nhẩm trước khi đọc trơn.  - GV đọc mẫu.  - GV cho HS luyện đọc.  - GV nhận xét, sửa lỗi sau mỗi lần HS đọc.  d) Luyện đọc câu.  - GV: GV chỉ từng câu và hỏi : Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ: GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ. (đọc liền câu 3 và 4). Chú ý nghỉ hơi ở câu cuối: Những đoá hoa ... xinh xắn / bắt đầu toả hương.  - Cho HS đọc tiếp nối từng câu. (đọc liền 2 câu ngắn)  - GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS;  - Nhắc HS thi đua để lượt sau đọc tốt hơn lượt trước. Từ nào HS không đọc được thì có thể đánh vần hoặc cả lớp đánh vần giúp bạn.  e) Thi đoạn, bài.  - GV chia bài thành 2 đoạn (5 câu / 4 câu)  - GV cho HS đọc tiếp nối.  - GV cho HS thi đọc tiếp nối giữa các cặp.  - GV nhận xét.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC.  - HS làm bài.  - HS Đáp án:  - YC HS làm bài vào VBT  - GV chỉ từng tranh theo thứ tự đúng.  \* GV cho HS đọc lại nội dung bài | - Lắng nghe  - 1 HS đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: hoa sen, tròn xoe...  - HS đọc thầm, làm bài.  - HS 1 nói tiếng có vần oa. HS 2 nói tiếng có vần oe.  - Cả lớp: Tiếng hoa có vần oa. Tiếng xoe có vần oe,...  - Cả lớp bình chọn người thắng cuộc  - HS nhìn bảng lớp, đọc lại các vần, tiếng vừa học.  - Lắng nghe, ghi nhớ cách viết.  - HS viết 2 lần.  - HS viết 2 lần  - HS quan sát.  - Lắng nghe giới thiệu  - HS theo dõi, đọc thầm.  - Lắng nghe  - Theo dõi, đọc thầm.  - Nghe và thực hiện (cá nhân, cả lớp).  - Theo dõi.  - HS đọc 2-3 lần (cá nhân, cả lớp)  - HS đếm rồi trả lời  - 1 HS đọc, cả lớp đọc  - HS đọc (cá nhân, từng cặp).  - Theo dõi.  - HS tập đọc (theo cặp, tổ).  - Các cặp thi đua.  - HS theo dõi. 1 HS đọc 2 ý của BT.  - HS làm bài vào VBT, viết ý lựa chọn vào thẻ, giơ thẻ.  - HS báo cáo:  + Ý b đúng (Nhờ bác làm vườn...).  + Ý a sai (Loa kèn không muốn nở vì sợ cúc chê...).  + Để ý a đúng, cần sửa là: Loa kèn không muốn nở vì sợ hoa hồng chê...  - Cả lớp đọc: Ý b đúng (Nhờ bác làm vườn khích lệ, loa kèn bật nở). |
| **D) Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm** | |
| - Em vừa tìm hiểu câu chuyện gì? Em học được gì từ câu chuyện trên?  - Chia sẻ bài tập đọc với người thân trong gia đình.  - GV nhận xét tiết học  - GV nhắc HS về nhà xem trước bài 114 | - HS trả lời.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**Tự nhiên xã hội( T43)**

**Thực hành quan sát cây xanh và các con vật**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức kĩ năng:**

Sau bài học, HS đạt được:

\* Về nhận thức khoa học:

- Kết nối được các kiến thức đã học về thực vật, động vật trong bài học và ngoài thiên nhiên.

- Biết sử dụng những đồ dùng cần thiết khi đi tham quan thiên nhiên.

\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

- Quan sát, đặt được câu hỏi và trả lời câu hỏi về những cây và con vật nơi tham quan.

- Bước đầu làm quen cách quan sát, ghi chép, trình bày kết quả khi đi tham quan

\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Có ý thức giữ an toàn khi tiếp xúc với một số cây và các con vật.

- Có ý thức bảo vệ môi trường sống của động vật và thực vật.

- Cân nhắc không sử dụng các đồ dùng bằng nhựa dùng một lần để bảo vệ môi trường.

**2. Phẩm chất:**

-Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn và chăm sóc cây cối

- Chăm chỉ: Có thói quen cho bản thân

**3. Năng lực:**

**3.1: Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề: Biết quan sát và trình bày ý kiến của mình về đặc điểm của cây xanh.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết sử dụng những đồ dùng cần thiết khi đi tham quan thiên nhiên

- Nhân ái: Yêu thương , tôn trọng bạn bè, thầy cô

**3.2: Năng lực đặc thù:**

- Năng lực nhận thức khoa hoc: Học sinh biết cách giữ gìn và bảo vệ cây cối và động vật.

- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội: Làm quen cách quan sát, ghi chép, trình bày kết quả.

- Năng lực vận dụng: Vận dụng kiến thức bài học để hoàn thành báo cáo kết quả sau khi đi tham quan.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: Tranh ảnh minh họa bài học, một số tranh ảnh về cây cối và con vật. Phiếu quan sát.

2. HS: Vở bài tập TNXH 1.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1.Khởi động:**  - Kiểm tra bài cũ.  + Kể tên các loài cây có trong sân trường em?  + Nêu những việc em đã làm để bảo vệ và chăm sóc cây trồng?  - GV nhận xét, đánh giá. | -HS trả lời |
| **2.Kết nối**  - Giới thiệu bài: GV viết tên bài, HS nhắc lại | -Lắng nghe |
| **D) Hoạt động Vận dụng trải nghiệm** | |
| **HĐ 3: Hoàn thiện báo cáo kết quả sau khi đi tham quan thiên nhiên**  a.Mục tiêu:  - Biết làm báo cáo sau khi đi tham quan.  - Trình bày kết quả báo cáo.  b. Phương pháp: hoạt dộng nhóm,quan sát, vấn đáp, thuyết trình  c.Cách tiến hành:  Bước 1:  - Các em đã rút ra được những điều gì sau buổi tham quan?  - Các em đã quan sát thấy gì?  Bước 2: Tổ chức làm việc theo nhóm  - GV chia thành 2 nhóm lớn:  Nhóm 1: báo cáo về đề tài thực vật  Nhóm 2: Báo cáo về đề tài động vật  - GV khuyến khích Hs ngoài việc thực hiện báo cáo theo mẫu các em có thể sáng tạo, trình bày báo caó theo cách riêng của mỗi nhóm và tuyên dương với mỗi nhóm có tính sáng tạo đặc biệt.  - HD học sinh hoàn thành phiếu.  Bước 3: Tổ chức làm việc cả lớp  -Gv yc học sinh lên trình bày  -GV nhận xét.  -Nhận xét tiết học  -Kết thúc tiết học | - HS trả lời  - Trường em có rất nhiều cây và con vật  - Học sinh hoàn thành báo cáo.  - Cử đại diện của mỗi nhóm lên trình bày, Hs khác nhạn xét,  - Chọn ra nhóm làm tốt nhất, tuyên dương tổng kết.  -Lắng nghe. |

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

OA- OE

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Ôn lại các vần đã học.

- Luyện đọc: từ có chứa vần oa, oe và bài “Hoa loa kèn”

- Luyện viết: - Viết từ đầu đến *sát bờ rào* trong bài “Hoa loa kèn”

**II. CHUẨN BỊ:**

* Bảng phụ (có dòng kẻ ô li) viết câu văn cần tập chép.

**III. Các hoạt động dạy và học:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **A.Bài cũ:**  - Ổn định  **B. Bài mới**  **1. Giới thiệu bài**: Ôn tập oe- oa  **2. Chia sẻ**  - GV h/d HS ôn đọc bài oe-oa  - Theo dõi giúp đỡ đọc SGK  - Thi đọc  ***Thư giãn***  **3. Luyện tập**  *BT1.*  -Gạch 1 gạch dưới tiếng có vần oa  -Gạch 2 gạch dưới tiếng có vần oe  -oa: hoa sen, tàu hỏa, chìa khóa  -oe:tròn xoe, lóe sáng  - GV nêu nhận xét  *\*.*Tập đọc (Hoa loa kèn) .  Khoanh tròn chữ cái trước ý đúng;  a/ Loa kèn không muốn nở vì sợ cúc chê nó thô.  b/ Nhờ bác làm vườn khích lệ, hoa kèn bật nở..  - Luyện viết: một đoạn: Viết từ đầu đến *sát bờ rào.*  - GV nêu nhận xét  **3.Củng cố, dặn dò**  - Nhận xét tiết học  - Dặn dò | -HS hát  - HS đọc ( cá nhân-tổ-cả lớp): bảng, SGK  - Thi đọc CN-tổ-lớp  HS làm VBT  - HS đọc các từ: CN-ĐT  - HS đọc CN-ĐT bài TĐ  - HS thảo luận nhóm đôi làm vở BT  Ý b đúng  b/ Nhờ bác làm vườn khích lệ, hoa kèn bật nở..  HS viét vào vở |

BỒI DƯỠNG PHỤ ĐẠO

**ÔN CHỤC VÀ ĐƠN VỊ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

-Biết 1 chục bằng 10 đơn vị.

-Biết đọc, viết các số tròn chục.

-Bước đầu nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.

-Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

-Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

\* **Phát triển các NL toán học:**

- Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

- Thông qua việc quan sát, phân tích cấu tạo của số có hai chữ số, xác định được giá trị của mỗi số dựa vào vị trí của số đó, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, máy chiếu, ti vi, sách điện tử, giáo án.

-10 khối lập phương, 10 que tính, 10 hình tròn.

-Các thanh 10 khối lập phương hoặc bó 10 que tính.

-Bảng chục - đơn vị đã kẻ sẵn.

- Vở, SGK, vở bài tập...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:**  - HDHS quan sát tranh nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? Hai bạn trong tranh đang làm gì? Nói gì?  - GV nhận xét dẫn dắt vào bài. | - HS quan sát tranh nói cho bạn nghe |
| **2. Kết nối:**  \* Giới thiệu bài: **CHỤC VÀ ĐƠN VỊ** |  |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 1.  - Đem số que tính, đọc kết quả cho bạn nghe. Chẳng hạn: Có 60 que tính, có 6 chục que tính. | - HS thực hiện các thao tác: |
| - GV có thể đưa thêm một số ví dụ khác để HS thực hành. |  |
| - Khi chữa bài, GV đặt câu hỏi để HS nói cách làm của mình. Quan sát và lắng nghe cách đếm của HS.  Tương tự cách đếm bát: Có 8 chục cái bát. |  |
| Bài 2. – Cho HS quan sát băng giấy để tìm quy luật của các số ghi trên băng giấy. Đọc các số còn thiếu. Nhấn mạnh: Các số 10, 20, ..., 90 là các số tròn chục. | - HS đọc các số còn thiếu |
| Bài 3  - HS chơi trò chơi theo nhóm. Mỗi bạn lấy ra vài chục đồ vật và nói số lượng. Chẳng hạn: Có 2 chục khối lập phương, có 1 chục bút màu, có 3 chục que tính, ... | - HSHT:  + Đọc các số tròn chục: 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80. 90  + HS viết vở các số tròn chục (mỗi chữ một dòng)  -HSCT:  + HS đọc lại các số tròn chuc  + GV đọc cho học sinh viết vào bảng con từng số tròn chục |

NS: 11/2/2023

ND:15/2/2023

**Tiếng Việt**

Tập viết: Sau bài : **ưu, ươ, oa, oe**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Năng lực:**

- Viết đúng các vần ưu, ươu, oa, oe, các từ ngữ con cừu, hươu sao, cái loa, chích chòe - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ viết rõ ràng, đều nét.

\* **Phẩm chất:**

- Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng nét chữ, trình bày đẹp bài tập viết.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, máy chiếu, sách điện tử, vở luyện viết, bảng phụ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:** GV bắt nhịp bài hát | - HS hát. |
| **2. Kết nối:**  - GV nêu MĐTC của bài học.  - Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay chúng ta cùng tập tô, tập viết các chữ, tiếng vừa học ở bài 112, 113 | - HS quan sát, lắng nghe. |
| **B) Hoạt động Hình thành kiến thức mới** | |
| **1. Viết chữ cỡ nhỡ**  - GV viết bảng hoặc treo bảng phụ đã viết các vần, từ ngữ (cỡ nhỡ, cỡ nhỏ).  - HS đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỡ): ưu, con cừu; ươu, hươu sao; oa, cái loa; oe, chích choè.  - YC HS nêu cách viết các vần: ưu, ươu, oa, oe  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn HS viết các vần, tiếng, tập trung vào các từ chứa vần mới, Nhắc HS chú ý cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh (cừu, cái, chích, choè.).  **2. Viết chữ cỡ nhỏ**  - Cả lớp đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ) trên bảng hoặc trong vở Luyện viết 1, tập hai: con cừu, hươu sao, cái loa, chích choè.  - GV viết mẫu, hướng dẫn HS viết các từ ngữ cỡ nhỏ. Chú ý chiều cao các con chữ: h, 1 cao 2,5 li; s cao hơn 1 li. | - HS quan sát  - HS đọc trên bảng lớp 2-3 lần (cá nhân, tập thể).  - HS nói cách viết các vần: ưu, ươu, oa, oe.  - HS theo dõi.  - 1 HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - Theo dõi, lắng nghe. |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |
| - Cho HS tập viết.  \* Có thể chia 2 chặng: mỗi chặng GV hướng dẫn HS viết 1 cặp vần - từ ngữ. GV nhận xét sau mỗi chặng để HS được nghỉ tay.  \* GV nhắc HS ngồi viết đúng tư thế, cầm bút đúng, biết đặt vở, xê dịch vở khi viết,... quan sát HS để giúp đỡ, uốn nắn kịp thời.  - YC HS viết vào vở Luyện viết. GV khích lệ HS hoàn thành phần Luyện tập thêm cỡ nhỏ. Khi HS viết, không đòi hỏi chính xác về độ cao các con chữ. | - HS viết bài |
| **D) Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm** | |
| - GV nhận xét tiết học  - Về nhà cùng với người thân tập tìm thêm và viết các chữ có vần: ưu, ươu, oa, oe để giờ sau chia sẻ với các bạn | - Lắng nghe.  - Lắng nghe để ghi nhớ. |

**Tiếng Việt**

Bài 114: **uê, ươ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần uê, uơ; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần uê, uơ.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần uê, vần uơ.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Lợn rèng và voi.

- Viết đúng các uê, uơ, các tiếng (hoa) huệ, huơ (vòi) cỡ nhỡ (trên bảng con).

\* **Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, máy chiếu, sách điện tử, vở bài tập...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1, 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:** GV bắt nhịp bài hát... | - HS hát... |
| **2. Kết nối:**  \* Kiểm tra bài cũ :  - Mời 1 HS đọc bài Tập đọc Hoa loa kèn. 1 HS nói tiếng ngoài bài có vần oa, oe em tìm được.  \* Giới thiệu bài:  - GV giới thiệu vần uê, vần uơ.  \* Đây là bài đầu tiên dạy vần có âm đệm (o, u). GV cần dạy kĩ để HS học các bài sau nhanh hơn. | - HS xung phong đọc  - Lắng nghe. |
| **B) Hoạt động Hình thành kiến thức mới** | |
| **Chia sẻ và khám phá** (BT1: Làm quen)  \* Dạy vần uê  a. Chia sẻ:  - GV chỉ từng chữ u, ê.  b. Khám phá:  - GV giới thiệu hình ảnh hoa huệ.  - Trong từ hoa huệ tiếng nào có vần uê?  - Phân tích: vần uê có âm u đứng trước, vần ê đứng sau.  - Phân tích: tiếng huệ có âm h đứng trước, vần uê đứng sau.  - Đánh vần và đọc trơn: vần uê, tiếng huệ.  + GV giới thiệu mô hình vần uê.   |  |  | | --- | --- | | **uê** | | | **U** | **ê** |   + GV giới thiệu mô hình tiếng huệ.     |  |  | | --- | --- | | **huệ** | | | **H** | **uệ** |   \* Dạy vần uơ  - GV chỉ từng chữ u, ơ  - GV giới thiệu hình ảnh voi huơ vòi.  - Trong từ huơ vòi. tiếng nào có vần uơ?  - Phân tích: vần ươ gồm có 2 âm: âm ư đứng trước, âm ơ đứng sau.  - Đánh vần và đọc trơn: vần uơ; tiếng huơ.  - Yêu cầu HS so sánh sự giống và khác nhau của 2 vần: uê, uơ  \* Củng cố:  - Các em vừa học 2 vần mới là vần gì?  - Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình từng vần. | - 1 HS đọc: u - ê - uê.  - Cả lớp: uê.  - HS quan sát và nêu từ hoa huệ.  - Tiếng huệ có vần uê.  - HS nhắc lại (cá nhân, tập thể).  + HS (cá nhân, tổ, cả lớp): u - ê - uê / uê.  + HS (cá nhân, tổ, cả lớp): h - uê - huê nặng huệ/ huệ.  - 1 HS đọc: u - ơ - uơ.  - Cả lớp: uơ.  - HS quan sát  - Tiếng huơ có vần uơ.  - HS nhắc lại (cá nhân, tập thể).  - Đánh vần và đọc trơn:  + u - ơ - uơ.  + h - uơ - huơ/ huơ;  - Vần uê giống vần uơ: đều bắt đầu bằng âm u. Vần uê khác vần uơ: vần uơ có âm cuối là ê, vần uơ có âm cuối là ơ.  - Vần uê, uơ  - Tiếng huệ, huơ  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn. |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |
| **1. Mở rộng vốn từ** (BT 2 : Tiếng nào có vần uê? Tiếng nào có vần uơ?).  - GV xác định YC  - YC HS đọc các từ ngữ.  - Tìm tiếng có vần uê, vần uơ.  - Mời 2 HS báo cáo kết quả  - GV chỉ từng tiếng.  - Cho HS làm bài.  - GV cùng HS bình chọn.  **2. Tập viết bảng con - (BT 4).**  a) Đọc:  - GV cho HS đọc lại các vần, tiếng vừa học: uê, uơ, hoa huệ, huơ vòi.  b) GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  - Vần uê: viết u trước, ê sau (u, ê cao 2 li); chú ý nối nét giữa u và ê.  - Vần uơ: viết u trước, ơ sau; chú ý nối nét giữa u và ơ. (u và ơ cao 2 li).  - huệ: viết h trước, uê sau.  - huơ : viết h trước, uơ sau, dấu huyền viết trên âm ơ.  c) Viết bài  - GV cho HS trên bảng con: huệ, huơ  - GV cho HS viết: (hoa) huệ, huơ (vòi).  \* Thời gian HS tập viết bảng con khoảng 15 phút**.**  **\* TIẾT 2**  **3. Tập đọc (BT 3)**  a) GV giới thiệu bài Lợn rừng và voi, hình ảnh voi dùng vòi nhấc bổng lợn rừng.  b) GV đọc mẫu.  - GV Mô tả, kết hợp giải nghĩa từ: Voi to nhưng ngờ nghệch lắm (ngờ nghệch: ngốc nghếch và chậm chạp). Nào ngờ, voi huơ vòi nhấc bổng lợn lên, ném xuống vệ đường (huơ vòi: đưa vòi lên cao, khua sang hai bên). Đời thuở nào lợn thắng được voi (đời thuở nào: không bao giờ).  c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): lang thang, xum xuê, huơ vòi, ngờ nghệch, nhằm voi xông tới, nhấc bổng, ném xuống vệ đường, hết hồn, đời thuở nào, tự kiêu, hại thân.  - GV hướng dẫn HS : Có thể đánh vần nhẩm trước khi đọc trơn.  - GV đọc mẫu.  - GV cho HS luyện đọc.  - GV nhận xét, sửa lỗi sau mỗi lần HS đọc.  d) Luyện đọc câu.  - GV: GV chỉ từng câu và hỏi : Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ: GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ. (đọc liền 2 câu cuối) (cá nhân, từng cặp). Nhắc HS nghỉ hơi ở câu: Nào ngờ, / voi huơ vòi / nhấc bổng lợn lên, / ném xuống vệ đường.  - Cho HS đọc tiếp nối từng câu. (đọc liền 2 câu ngắn)  - GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS;  - Nhắc HS thi đua để lượt sau đọc tốt hơn lượt trước. Từ nào HS không đọc được thì có thể đánh vần hoặc cả lớp đánh vần giúp bạn.  e) Thi đoạn, bài.  - GV chia bài thành 2 đoạn (5 câu / 4 câu)  - GV cho HS đọc tiếp nối.  - GV cho HS thi đọc tiếp nối giữa các cặp.  - GV nhận xét.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC.  - HS làm bài.  - HS Đáp án:  - YC HS làm bài vào VBT  - GV chỉ từng tranh theo thứ tự đúng.  \* GV cho HS đọc lại nội dung bài | - Lắng nghe  - 1 HS đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: thuê, xum xuê, thuở bé,...  - HS đọc thầm, làm bài.  - HS 1 nói: Hoa có vần uê: thuê, (xum) xuê, (vạn) tuế, Huế. HS 2 nói tiếng có vần uơ: Hoa có vần uơ: thuở (bé), huơ (tay)..  - Cả lớp: Tiếng thuê có vần uê. Tiếng thuở có vần uơ,...  - Cả lớp bình chọn  - HS nhìn bảng lớp, đọc lại các vần, tiếng vừa học.  - Lắng nghe, ghi nhớ cách viết.  - HS viết 2 lần.  - HS viết 2 lần  - HS quan sát.  - Lắng nghe giới thiệu  - HS theo dõi, đọc thầm.  - Lắng nghe  - Theo dõi, đọc thầm.  - Nghe và thực hiện (cá nhân, cả lớp).  - Theo dõi.  - HS đọc 2-3 lần (cá nhân, cả lớp)  - HS đếm rồi trả lời : 9 câu  - 1 HS đọc, cả lớp đọc  - HS đọc (cá nhân, từng cặp).    - Theo dõi.  - HS tập đọc (theo cặp, tổ).  - Các cặp thi đua.  - HS theo dõi. 1 HS đọc 2 ý của BT.  - HS làm bài vào VBT, viết ý lựa chọn vào thẻ, giơ thẻ.  - HS báo cáo:  a) Lợn rừng con nghĩ là - 2) mình thắng được voi.  b) Lợn rừng mẹ bảo con - 1) chớ tự kiêu mà hại thân.  - Cả lớp đọc. |
| **D) Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm** | |
| - Em vừa tìm hiểu câu chuyện gì? Em học được gì từ câu chuyện trên?  - Chia sẻ bài tập đọc với người thân trong gia đình.  - Phụ đạo, bồi dưỡng học sinh.  - GV nhận xét tiết học  - GV nhắc HS về nhà xem trước bài 115 | - HS trả lời.  - Lắng nghe và thực hiện.  \* **Phụ đạo, bồi dưỡng HS**  - HSHT:  + HS đọc đọc nối tiếp đọc bài: **Lợn rừng và voi**  + HS viết bảng con: xum xuê, huơ vòi, ngờ nghệch, tự kiêu  -HSCT:  + HS đọc lại các âm vần còn nhầm lẫn, chưa ghi nhớ.  + Đọc lại bài **uê, ươ**..  - Lắng nghe và thực hiện. |

**ÂM NHẠC**

**GVC**

**Tự nhiên xã hội(T44)**

**Ôn tập và đánh giá chủ đề thực vật, động vật; Số tiết: 2 tiết**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức kĩ năng:**

Sau bài học HS đạt được:

\* Về nhận thức khoa học:

- Hệ thống lại được các kiến thức đã học về chủ đề thực vật và động vật, tên, các bộ phận, lợi ích, chăm sóc, giữ an toàn.

- Những việc nên làm để chăm sóc cây trồng và vật nuôi.

\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

Làm một bộ sưu tập về cây, con vật qua việc quan sát, sưu tầm trong tự nhiên và sách báo.

\* Về vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học:

Có ý thức chăm sóc và bảo vệ cây trồng vật nuôi.

**2. Phẩm chất:**

-Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn và chăm sóc cây cối

- Chăm chỉ: Có thói quen cho bản thân

**3. Năng lực:**

**3.1: Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề: Biết cách chăm sóc và bảo vệ cây cối, vật nuôi

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Sử dụng lời nói phù hợp với các thành viên trong lớp học khi thảo luận hoặc trình bày ý kiến.

Nhân ái: yêu thương , tôn trọng bạn bè, thầy cô

**3.2: Năng lực đặc thù:**

- Năng lực nhận thức khoa hoc: Học sinh biết cách giữ gìn và bảo vệ cây cối và động vật.

- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội: Làm quen cách quan sát, ghi chép, trình bày kết quả.

- Năng lực vận dụng: Vận dụng kiến thức bài học để tự đánh giá bản thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: Hình ảnh trang 90, 91( SGK). Các thẻ từ về bộ phận của cây và các con vật. Bảng hoặc giấy A2, bút màu, băng dính hai mặt.

2. HS: Sách giáo khoa, bút màu.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:** - Ổn định:  - Kiểm tra bài cũ  + Em đã làm gì để bảo vệ cây xanh và các con vật? | - HS trả lời |
| **2. Kết nối:**  -Giới thiệu bài mới | -Lắng nghe bài học mới |
| **B) Hoạt động Hình thành kiến thức mới** | |
| ***HĐ 1: Chúng mình đã học được gì về chủ đề Thực vật và động vật***  a.Mục tiêu: Hệ thống lại được các kiến thức đã học về chủ đề Thực vật và động vật  - Tên của một số cây và các con vật.  - Các bộ phận của một số cây và các con vật  - Lợi ích của một số cây và các con vật.  - Cách chăm sóc một số cây và vật nuôi.  - Cách giữ an toàn khi tiếp xúc với một số cây và vật nuôi.  b. Phương pháp: hoạt dộng nhóm,quan sát, vấn đáp, thuyết trình.  c. Cách tiến hành  *Bước 1: Hướng dẫn HS thực hiện*  + Chúng ta đã học xong chủ đề Thực vật và động vật, em hãy nhớ lại, chúng ta đã học và làm được những gì sau khi học chủ đề này?  *Bước 2: Tổ chức làm việc nhóm*  - GV chia lớp thành 4- 6 nhóm. Nhóm lẻ làm tổng kết phần Thực vật và nhóm chẵn làm tổng kết phần Động vật.  - Hướng dẫn HS thực hiện theo sơ đồ gợi ý trang 90, 91(SGK) và hoàn thành những chỗ có dấu ?  - Khuyến khích HS ngoài việc thực hiện theo mẫu, các em có thể sáng tạo, trình bày sơ đồ theo cách riêng của nhóm mình.  *Bước 3: Tổ chức làm việc cả lớp*  - Gọi đại diện các nhóm lên trình bày  -Tuyên dương các nhóm có sản phẩm trình bày tốt, sáng tạo nhất.  - Kiểm tra lại sự hiểu biết các kiến thức của chủ đề đối với những HS thể hiện chưa tích cực tham gia trong hoạt động nhóm.  - GV chọn kết quả tốt nhất của hai nhóm để tổng kết trước lớp.  - Nếu còn thời gan , GV tổ chức cho HS chơi trò chơi” Thi tìm hiểu về các loài cây và các con vật qua các bài hát, bài thơ”.  Bước 4: Củng cố  - Yêu cầu HS tiếp tục hoàn thiện sơ đồ tổng kết Thực vật và động vật vào vở theo ý của mình. | - Một số HS trả lời  - Chia nhóm và nhận nhiệm vụ  - Các nhóm hoàn thành bài trên khổ giấy A2.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Hs theo dõi.  - HS làm bài vào vở. |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |
| ***HĐ 2:* *Làm một bộ sưu tập hình ảnh và thông tin về cây hoặc các con vật***  a. Mục tiêu:  - Hệ thống các kiến thức về thực vật và động vật.  - Hình thành năng lực tự tìm tòi và nghiên cứu  b. Phương pháp: Hoạt động nhóm, quan sát, vấn đáp, thuyết trình.  c. Cách tiến hành  - GV phân nhóm, yêu cầu mối HS sưu tập các hình ảnh về thực vật và động vật và tập hợp lại để cùng làm bộ sưu tập của nhóm.  - Khuyến khích HS sưu tập, giới thiệu những cây và con vật ở địa phương.  - Gọi một số nhóm lên trình bày( nếu còn thời gian) hoặc yêu cầu HS hoàn thiện tiếp và nộp lại cho GV vào buổi sau.  ***HĐ 3: Làm bài tập ôn tập tổng kết chủ đề***  - GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3( VBT)  - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào VBT.  -Nhận xét tiết học  -Kết thúc tiết học | - Chia nhóm và làm việc theo yêu cầu.  - Một số nhóm lên trình bày nếu còn thời gian.  -Lắng nghe, thực hiện. |
|  | |

**GDTC**

**GVC**

**BỒI DƯỠNG PHỤ ĐẠO**

**ÔN UÊ, UƠ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.** **Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- HS nhận biết được vần ***uê***, ***uơ*** đánh vần đọc đúng tiếng có các vần ***uê, uơ.***

- Nhìn chữ, tìm đúng các tiếng có vần ***uê***, vần ***uơ*.**

- Đọc đúng và hiểu bàiTập đọc ***Lợn rừng và voi.***

- Viết đúng: ***uê, uơ, hoa huệ, huơ vòi*** (trên bảng con)

**2.** **Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Hợp tác có hiệu quả với các bạn trong nhóm, trong tổ và trong lớp.

- Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng các chữ.

- HS cần: biết mình biết người, không nên tự kiêu và coi thường người khác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**:

* Máy tính, máy chiếu để chiếu hình ảnh của bài học lên màn hình.
* Tranh, ảnh, mẫu vật.
* VBT Tiếng Việt 1, tập hai.
* Bảng cài

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ**   - Kiểm tra HS đọc bài ***Hoa loa kèn***  - Nhận xét, tuyên dương hs đọc tốt.   1. **DẠY BÀI MỚI**   **1. Khởi động**: vần ***uê, uơ***  - Hôm nay, các em sẽ được học 2 vần mới. Ai đọc được 2 vần mới này?  **-** Chỉ từng chữ **u** và **ê**, gọi hs đánh vần **uê**  **+** Chỉ từng chữ **u** và **ơ**, gọi hs đánh vần **uơ**   * Ai phân tích, đánh vần được 2 vần mới này?   **2.Hình thành kiến thức mới**  **2.1**. Giới thiệu từ **hoa huệ:**  - Giới thiệu từ khóa: GV chỉ hình, hỏi: Đây là hoa gì?  - Tiếng nào có chứa vần mới?  - Phân tích tiếng **huệ?**  **-** Đánh vần, đọc trơn từ **hoa huệ?**   * Hoa huệ thường có màu gì?   **2.2**. Giới thiệu từ **huơ vòi:**  - Giới thiệu từ khóa: GV chỉ hình, hỏi: Con voi đang làm gì?  - Tiếng nào có chứa vần mới?  - Phân tích tiếng **huơ?**  **-** Đánh vần, đọc trơn từ **huơ vòi?**  **2.3. Củng cố:**  - Các em vừa học 2 vần mới là vần gì?  - Các em vừa học 2 từ mới là từ gì?  **3. Luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT2)   * Chiếu nội dung bài tập 2 lên bảng. * Đọc yêu cầu? * Đọc các từ trong mỗi bông hoa? * Tổ chức cho hs chơi trò chơi, phân lớp thành 2 đội, mỗi đội cử 6 bạn tham gia trò chơi, 1 đội xếp hoa vào nhóm vần **uê**, 1 đội xếp hoa vào nhóm vần **uơ**, đội nào xếp đúng và nhanh hơn sẽ là đội thắng. * Nhận xét, khen đội thắng. * Giải nghĩa từ:   + Thuở bé: là khi còn nhỏ.  + Huế: là cố đô của nước ta, cho hs xem hình ảnh cố đô Huế.  + Xum xuê là rất nhiều cành, lá, quả.  + Huơ tay: là đưa tay ta khua, đưa hình ảnh bạn nhỏ huơ tay.  -Chốt lại và giải thích thêm nghĩa một số từ (nếu hs chưa hiểu nghĩa).  =>Bài tập 2 giúp chúng ta luyện đọc và nhận diện đúng các từ/ tiếng chứa vần mới **uê, uơ**.  **3.2..Tập viết** (bảng con - BT 4)  **a.GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu**   * Vần **uê**: chữ **u** viết trước, chữ **ê** viết sau. Chú ý: chữ **u** và **ê** đều cao 2 ly, lưu ý nét nối giữa 2 chữ. * Từ **hoa huệ**: viết chữ **hoa** trước, chữ **huệ** sau; chú ý: khoảng cách và nối nét giữa các chữ. * Vần **uơ**: chữ **u** viết trước, chữ **ơ** viết sau. Chú ý: chữ **u** và **ơ** đều cao 2 ly, lưu ý nét nối giữa 2 chữ. * Từ **huơ vòi**: viết chữ **huơ** trước, chữ **vòi** sau; chú ý: khoảng cách và nối nét giữa các chữ.   **b. YC HS viết bảng.**  - GV mời 3 HS lên trước lớp, giơ bảng cho GV và các bạn nhận xét. | - 2, 3 Hs đọc bài ***Hoa loa kèn***   * HS khác nhận xét   -1, 2 HS đọc: **uê, uơ**  - HS đọc nối tiếp **u – ê – uê / uê**  - Hs thao tác trên bảng gài, gài vần **uê**  - HS đọc nối tiếp **u – ơ – uơ / uơ**  - Hs thao tác trên bảng gài, gài vần **uơ**  + HS1: Vần **uê** có âm **u** đứng trước, âm **ê** đứng sau. **u - ê – uê/ uê**  + HS2: Vần **oe** có âm **o** đứng trước, âm **e**  đứng sau. **u - ơ – uơ/ uơ**   * HS từng tổ, cả lớp đánh vần, đọc trơn vần mới: **uê, uơ** * HS trả lời: Đây là **hoa huệ** * Tiếng **huệ** có chứa vần mới **uê** * HS phân tích tiếng **huệ**: tiếng **huệ** có âm **h** đứng trước, vần **uê** đứng sau, dấu nặng dưới chân âm **ê** * HS nối tiếp đánh vần, đọc trơn: **hoa huệ** * Hoa huệ thường có màu trắng. * HS trả lời: Con voi đang **huơ vòi**. * Tiếng **chòe** có chứa vần mới **òe** * HS phân tích tiếng **huơ**: tiếng **huơ** có âm **h** đứng trước, vần **uơ** đứng sau. * HS nối tiếp đánh vần, đọc trơn: **huơ vòi** * HS: Vần **uê**, vần **uơ**. * HS đánh vần, đọc trơn lại 2 vần: **uê, uơ** * HS đánh vần, đọc trơn lại 2 từ: **hoa huệ, huơ vòi.**   - HS quan sát  - HS đọc: xếp hoa vào 2 nhóm.  - Nhiều hs đọc các từ: ***thuở bé, huơ tay, vạn tuế, Huế, xum xuê, thuê***.  - HS 2 đội tham gia trò chơi, còn lại cổ vũ và làm trọng tài phân xử thắng thua .   * Hs nhận xét đúng sai, thắng thua. * HS quan sát, viết hờ trên không rồi viết vào bảng con   - HS giơ bảng, quan sát và nhận xét bạn viết.  HS đọc lại toàn bài |

**NS:11/2/2023**

**ND: 16/2/2023**

**MĨ THUẬT**

**GVC**

**Tiếng Việt ( T260,261)**

Bài 115: **uy, uya**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần uy, uya; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần uy, uya.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần uy, vần uya.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Vườn hoa đẹp.

- Viết đúng các uy, uya, các tiếng (tàu) thủy, (đêm) khuya cỡ nhỡ (trên bảng con).

\* **Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, máy chiếu, sách điện tử, vở bài tập...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1, 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:** GV bắt nhịp bài hát... | - HS hát... |
| **2. Kết nối:**  \* Kiểm tra bài cũ :  - Mời 2 HS lên bảng:  - 1 HS đọc bài Tập đọc Lợn rừng và voi  - 1 HS trả lời câu hỏi: Lợn rừng mẹ dạy con điều gì?  \* Giới thiệu bài:  - GV giới thiệu vần uy, vần uya. | - HS đọc bài, nhận xét.  - HS nhận xét  - HS quan sát, lắng nghe. |
| **B) Hoạt động Hình thành kiến thức mới** | |
| **Chia sẻ và khám phá** (BT1: Làm quen)  \* Dạy vần uy  a. Chia sẻ:  - GV chỉ từng chữ u, y.  b. Khám phá:  - GV giới thiệu hình ảnh tàu thuỷ.  - Trong từ tàu thuỷ tiếng nào có vần uy?  - Phân tích: vần uy có âm u đứng trước, vần y đứng sau.  - Phân tích: tiếng thủy có âm th đứng trước, vần uy đứng sau.  - Đánh vần và đọc trơn: vần uy, tiếng thủy.  + GV giới thiệu mô hình vần uy.   |  |  | | --- | --- | | **Uy** | | | **U** | **Y** |   + GV giới thiệu mô hình tiếng thủy.   |  |  | | --- | --- | | **thủy** | | | **Th** | **ủy** |   \* Dạy vần uya  - GV chỉ từng chữ u, ya  - GV giới thiệu hình ảnh đêm khuya.  - Trong từ đêm khuya. tiếng nào có vần uya?  - Phân tích: vần uya gồm có 2 âm: âm u đứng trước, âm ya đứng sau (ya là nguyên âm đôi iê, đọc là ia).  - Đánh vần và đọc trơn: vần uya; tiếng khuya.  - Yêu cầu HS so sánh sự giống và khác nhau của 2 vần: uy, uya  \* Củng cố:  - Các em vừa học 2 vần mới là vần gì?  - Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình từng vần. | - 1 HS đọc: u - y - uy.  - Cả lớp: uy.  - HS quan sát và nêu tiếng thủy  - Tiếng thủy có vần uy.  - HS nhắc lại (cá nhân, tập thể).  + HS (cá nhân, tổ, cả lớp): u - y - uy /uy.  + HS (cá nhân, tổ, cả lớp): th - uy - thuy thủy/ thủy.  - 1 HS đọc: u - ya - uya.  - Cả lớp: uya.  - HS quan sát  - Tiếng huơ có vần uơ.  - HS nhắc lại (cá nhân, tập thể).  - Đánh vần và đọc trơn:  + u - ya - uya.  + kh - uya - khuya/ khuya;  - Vần uy giống vần uya: đều bắt đầu bằng âm u. Vần uy khác vần uya: vần uy có âm chính là y, vần uya có âm chính là ya.  - Vần uy, uya  - Tiếng thủy, khuya  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn. |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |
| **1. Mở rộng vốn từ** (BT 2 : Tiếng nào có vần uy? Tiếng nào có vần uya?).  - GV xác định YC  - YC HS đọc các từ ngữ.  - Tìm tiếng có vần uy, vần uya.  - Mời 2 HS báo cáo kết quả  - GV chỉ từng tiếng.  - Cho HS làm bài.  - GV cùng HS bình chọn.  **2. Tập viết bảng con - (BT 4).**  a) Đọc:  - GV cho HS đọc lại các vần, tiếng vừa học: uy, uya, tàu thuỷ, đêm khuya.  b) GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  - Vần uy: viết u trước, y sau (u cao 2 li, cao 5 li); chú ý nối nét giữa u và y.  - Vần uya: viết u trước, ya sau; chú ý nối nét giữa u và ơ. (u và a cao 2 li, y cao 5 li).  - thủy: viết th trước, uy sau dấu hỏi đặt trên chữ u.  - khuya : viết kh trước, uya sau.  c) Viết bài  - GV cho HS trên bảng con: uy, uya  - GV cho HS viết: (tàu) thủy, (đêm) khuya.  \* Thời gian HS tập viết bảng con khoảng 15 phút.  \* **TIẾT 2**  **3. Tập đọc (BT 3)**  a) GV chỉ hình minh hoạ bài Vườn hoa đẹp, giới thiệu các loài hoa: cúc thuý, tuy líp, hoa giấy, thuỷ tiên, dạ hương, bách nhật.  b) GV đọc mẫu, nhấn giọng các từ ngữ gợi tả, gợi cảm: đỏ mọng, mỏng, lâu ơi là lâu, rực rỡ, ngát hương.  - Giải nghĩa từ: pơ luya (loại giấy rất mỏng, mềm, dùng để viết thư).  c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): Thuỷ, cúc thuý, tuy líp, pơ luya, thuỷ tiên, nhuỵ vàng, dạ hương, khuya, bách nhật, khuy áo, ngát hương.  - GV hướng dẫn HS : Có thể đánh vần nhẩm trước khi đọc trơn.  - GV đọc mẫu.  - GV cho HS luyện đọc.  - GV nhận xét, sửa lỗi sau mỗi lần HS đọc.  d) Luyện đọc câu.  - GV: GV chỉ từng câu và hỏi : Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ: GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ. (cá nhân,từng cặp).  - Cho HS đọc tiếp nối từng câu.  - GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS;  - Nhắc HS thi đua để lượt sau đọc tốt hơn lượt trước. Từ nào HS không đọc được thì có thể đánh vần hoặc cả lớp đánh vần giúp bạn.  e) Thi đoạn, bài.  - GV chia bài thành 2 đoạn (5 câu / 4 câu)  - GV cho HS đọc tiếp nối.  - GV cho HS thi đọc tiếp nối giữa các cặp.  - GV nhận xét.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC.  - GV mời 1 HS nói câu  - GV chỉ từng hình    - GV chỉ từng hình  \* (Lặp lại) GV chỉ hình,  + GV chỉ hình 1;  + GV chỉ hình 2;  + GV chỉ hình 3;  + GV chỉ hình 4;  + GV chỉ hình 5;  + GV chỉ hình 6;  \* (Lặp lại) GV chỉ từng hình,  \* GV cho HS đọc lại nội dung bài | - Lắng nghe  - 1 HS đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: khuy áo, phéc mơ tuya,....  - HS đọc thầm, làm bài.  - HS nói: Tiếng có vần uy (khuy, ruy, huy, luỹ); tiếng có vần uya (tuya).  - Cả lớp: Tiếng khuy có vần uy. Tiếng tuya có vần uya,...  - Cả lớp bình chọn    - HS nhìn bảng lớp, đọc lại các vần, tiếng vừa học.  - Lắng nghe, ghi nhớ cách viết.  - HS viết 2 lần.  - HS viết 2 lần  - Hs lắng nghe  -HS luyện đọc.  - HS quan sát.  - Lắng nghe giới thiệu  - HS theo dõi, đọc thầm.  - Lắng nghe  - Theo dõi, đọc thầm.  - Nghe và thực hiện (cá nhân, cả lớp).  - Theo dõi.  - HS đọc 2-3 lần (cá nhân, cả lớp)  - HS đếm rồi trả lời : 8 câu  - 1 HS đọc, cả lớp đọc  - HS đọc (cá nhân, từng cặp).    - Theo dõi.  - HS tập đọc (theo cặp, tổ).  - Các cặp thi đua.  - HS theo dõi. 1 HS đọc 2 ý của BT.  - HS : Hoa tuy líp đỏ mọng.  - HS cả lớp nói tên từng loài hoa: 1) hoa cúc thuý, 2) hoa tuy líp. 3) hoa giấy, 4) hoa thuỷ tiên, 5) hoa dạ hương, 6) hoa bách nhật.  - 1 HS giỏi (dựa vào bài) nói về vẻ đẹp của từng loài hoa.  \* Từng HS tiếp nối nhau:  + HS 1: Hoa cúc thuý đủ màu sắc.  + HS 2: Hoa tuy líp đỏ mọng.  + HS 3: Hoa giấy cánh mỏng như tờ pơ luya.  + HS 4: Hoa thuỷ tiên cánh trắng, nhuỵ vàng.  + HS 5: Hoa dạ hương càng về khuya càng thơm.  + HS 6: Hoa bách nhật chỉ bằng cái khuy áo, tươi lâu ơi là lâu.  \* Cả lớp nhắc lại (nói nhỏ).  - Cả lớp đọc: |
| **D) Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm** | |
| - Em vừa tìm hiểu câu chuyện gì? Em học được gì từ câu chuyện trên?  - Chia sẻ bài tập đọc với người thân trong gia đình.  - GV nhận xét tiết học  - GV nhắc HS về nhà xem trước bài | - HS trả lời.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**Toán**

**CHỤC VÀ ĐƠN VỊ ( tt)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

-Biết 1 chục bằng 10 đơn vị.

-Biết đọc, viết các số tròn chục.

-Bước đầu nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.

-Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

-Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

\* **Phát triển các NL toán học:**

- Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

- Thông qua việc quan sát, phân tích cấu tạo của số có hai chữ số, xác định được giá trị của mỗi số dựa vào vị trí của số đó, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, máy chiếu, ti vi, sách điện tử, giáo án.

-10 khối lập phương, 10 que tính, 10 hình tròn.

-Các thanh 10 khối lập phương hoặc bó 10 que tính.

-Bảng chục - đơn vị đã kẻ sẵn.

- Vở, SGK, vở bài tập...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:**  - HDHS quan sát tranh nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? Hai bạn trong tranh đang làm gì? Nói gì?  - GV nhận xét dẫn dắt vào bài. | - HS quan sát tranh nói cho bạn nghe |
| **2. Kết nối:**  \* Giới thiệu bài: **CHỤC VÀ ĐƠN VỊ (t2)** |  |
| **B) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 4. GV hướng dẫn HS thực hiện mẫu:  - GV lấy 32 khối lập phương (gồm 3 thanh và 2 khối lập phương rời). | - HS đem số khối lập phương. Nói: Có ba mươi hai khối lập phương, viết “32”. |
| - GV đặt câu hỏi để HS trả lời, trong hình có 3 chục khối lập phương và 2 khối lập phương rời. | - HS trả lời |
| - GV nhận xét: Như vậy, trong số 32, số 3 cho ta biết có 3 chục khối lập phương, số 2 cho ta biết có 2 khối lập phương rời. Ta có thể viết như sau:  Chục Đơn vị  3 2 | - Theo dõi |
| - Nói: Số 32 gồm 3 chục và 2 đơn vị.  Thực hiện tương tự, chẳng hạn câu a):  - Quan sát tranh, nói: Có 24 khối lập phương.  - Viết vào bảng (đã kẻ sẵn ô trên bảng con hoặc bảng lớp ). |  |
| Chục Đơn vị  2 4  - Nói: Số 24 gồm 2 chục và 4 đơn vị. |  |
| Bài 5 | - HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả: |
| a) Số 12 gồm 1 chục và 2 đơn vị.  b) Số 49 gồm 4 chục và 9 đơn vị.  c) Số 80 gồm 8 chục và 0 đơn vị.  d) Số 66 gồm 6 chục và 6 đơn vị. | - HS đặt câu hỏi với các số khác để đố bạn, chẳng hạn: số 72 gồm mấy chục và mấy đơn vị? |

|  |
| --- |
| **C) Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm** |

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 6 |  |
| - GV yêu cầu HS thử ước lượng và đoán nhanh xem mỗi chuỗi vòng có bao nhiêu hạt? | - HS đoán và giải thích tại sao lại đoán được số đó. |
|  | - HS đếm để kiểm tra dự đoán, nói kết quả trước lớp. HS nói các cách đếm khác nhau nếu có. |
| - GV cho HS thấy rằng trong cuộc sống không phải lúc nào chúng ta cũng đếm chính xác ngay được kết quả, có thể trong một số trường hợp phải ước lượng để có thông tin ban đầu nhanh chóng.  Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gi? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  - Từ ngữ toán học nào em cần nhớ?  - Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống mọi người có dùng “chục” không? Sử dụng trong các tình huống nào? |  |

**Tiếng Việt ( T262)**

Tập viết: sau bài **UÊ, ƯƠ, UY, UYA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Năng lực:**

- Viết đúng các vần uê, uơ, uy, uya, các từ ngữ hoa huệ, huơ vòi, tàu thủy, đêm khuya - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ viết rõ ràng, đều nét.

\* **Phẩm chất:**

- Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng nét chữ, trình bày đẹp bài tập viết.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, máy chiếu, sách điện tử, vở luyện viết, bảng phụ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:** GV bắt nhịp bài hát | - HS hát. |
| **2. Kết nối:**  - GV nêu MĐTC của bài học.  - Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay chúng ta cùng tập tô, tập viết các chữ, tiếng vừa học ở bài 114, 115. | - HS quan sát, lắng nghe. |
| **B) Hoạt động Hình thành kiến thức mới** | |
| **1. Viết chữ cỡ nhỡ**  - GV viết bảng hoặc treo bảng phụ đã viết các vần, từ ngữ (cỡ nhỡ, cỡ nhỏ).  - HS đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỡ): uê, hoa huệ; uơ, huơ vòi; uy, tàu thuỷ; uya, đêm khuya.  - YC HS nêu cách viết các vần: ưu, ươu, oa, oe  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn HS viết các vần, tiếng, tập trung vào các từ chứa vần mới, Nhắc HS chú ý cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh (huệ, vòi, tàu thủy).  **2. Viết chữ cỡ nhỏ**  - Cả lớp đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ) trên bảng hoặc trong vở Luyện viết 1, tập hai: hoa huệ, huơ vòi, tàu thuỷ, đêm khuya.  - GV viết mẫu, hướng dẫn HS viết các từ ngữ cỡ nhỏ. Chú ý chiều cao các con chữ: h, k, y cao 2,5 li; đ cao 2 li; s cao hơn 1 li. | - HS quan sát  - HS đọc trên bảng lớp 2-3 lần (cá nhân, tập thể).  - HS nói cách viết các vần: uê, uơ, uy, uya.  - HS theo dõi.  - 1 HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - Theo dõi, lắng nghe. |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |
| - Cho HS tập viết.  \* Có thể chia 2 chặng: mỗi chặng GV hướng dẫn HS viết 1 cặp vần - từ ngữ. GV nhận xét sau mỗi chặng để HS được nghỉ tay.  \* GV nhắc HS ngồi viết đúng tư thế, cầm bút đúng, biết đặt vở, xê dịch vở khi viết,... quan sát HS để giúp đỡ, uốn nắn kịp thời.  - YC HS viết vào vở Luyện viết. GV khích lệ HS hoàn thành phần Luyện tập thêm cỡ nhỏ. Khi HS viết, không đòi hỏi chính xác về độ cao các con chữ. | - Hs viết bài |
| **D) Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm** | |
| - GV nhận xét tiết học  - Về nhà cùng với người thân tập tìm thêm và viết các chữ có vần: uê, uơ, uy, uya để giờ sau chia sẻ với các bạn | - Lắng nghe.  - Lắng nghe để ghi nhớ. |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

UY- UYA

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Ôn lại các vần đã học.

- Luyện đọc: từ có chứa vần uy, uya và bài “Vườn hoa đẹp”

- HS làm được các bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

* Bảng phụ (có dòng kẻ ô li) viết câu văn cần tập chép.

**III. Các hoạt động dạy và học:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **A.Bài cũ:**  - Ổn định  **B. Bài mới**  **1. Giới thiệu bài**: Ôn tập uy- uya  **2. Chia sẻ**  - GV h/d HS ôn đọc bài uy-uya  - Theo dõi giúp đỡ đọc SGK  - Thi đọc  ***Thư giãn***  **3. Luyện tập**  *BT1.*  Gạch 1 gạch dưới tiếng có vần uy  Gạch 2 gạch dưới tiếng có vần uya  -uy: khuy áo, huy hiệu. ruy băng, lũy tre  -uya: phéc mơ tuya.  - GV nêu nhận xét  *\*.*Tập đọc (Vườn hoa đẹp) .  Nối tên các loại hoa với đặc điểm của nó.  **3.Củng cố, dặn dò**  - Nhận xét tiết học  - Dặn dò | -HS hát  - HS đọc ( cá nhân-tổ-cả lớp): bảng, SGK  - Thi đọc CN-tổ-lớp  HS làm VBT  - HS đọc các từ: CN-ĐT  - HS đọc CN-ĐT bài TĐ  - HS thảo luận nhóm đôi làm vở BT  -Hoa cúc thúy đủ màu sắc  - Hoa tuy líp đỏ mọng  - Hoa giấy cánh mỏng như tờ pơ- luya  -Hoa thủy tiên cánh trắng nhụy vàng  -Hoa dạ hương càng về khuya càng thơm  - Hoa bách nhật chỉ bằng cái khuy áo. |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**GIỮ GÌN CẢNH ĐẸP QUÊ HƯƠNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Hiểu được sự cần thiết phải giữ gìn cảnh đẹp quê hương, đó là trách nhiệm của HS.

- Biết cách giữ gìn vệ sinh và nhắc nhở các bạn cùng giữ vệ sinh để giữ gìn cảnh

đẹp quê hương.

- Có hứng thú và phấn khởi với việc làm của mình.

\* **Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Bước đầu biết hợp tác với bạn qua hình thức làm việc nhóm đôi

- Kiên nhẫn, biết quan sát

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Một vài tranh/hình ảnh về cảnh đẹp quê hương đang bị con người phá hoại.

- Tranh vẽ mô tả hình ảnh trong SGK về những điều nên và không nên làm để giữ gìn cảnh đẹp quê hương.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A/ Hoạt động mở đầu** |  |
| **1. Khởi động** |  |
| - Ổn định: | - Hát |
| - Giới thiệu bài |  |
| + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về giữ gìn cảnh đẹp quê hương. | - Lắng nghe |
| **B/ Hoạt động hình thành kiến thức mới** |  |
| **2. Các hoạt động chủ yếu.**  **\*Mục tiêu:**  - Hiểu được sự cần thiết phải giữ gìn cảnh đẹp quê hương, đó là trách nhiệm của HS.  - Biết cách giữ gìn vệ sinh và nhắc nhở các bạn cùng giữ vệ sinh để giữ gìn cảnh  đẹp quê hương. | |
| **Hoạt động 1:** **Liên hệ và chia sẻ** | |
| **Mục tiêu:** | |
| - Liên hệ và chia sẻ được về các hành vi nên và không nên làm để giữ gìn cảnh đẹp quê hương. | |
| \* Cách tiến hành:  - GV hướng dẫn HS quan sát các hình ảnh đã chuẩn bị hoặc hình ảnh trong SGK.  - GV cùng HS nhận xét  - Tổ chức cho HS đóng vai theo nội dung ở tranh trong bài,  - GV mời một vài HS nêu ý kiến của mình về những hành vi nên và không nên làm để giữ gìn cảnh đẹp quê hương.  ***\*GV kết luận.***  - HS hiểu được sự cần thiết phải giữ gìn cảnh đẹp quê hương bằng các hành vi cụ thể | - HS quan sát, HS lựa chọn một trong số các hình ảnh đó, diễn tả bằng hành động để bạn bên cạnh đoán được nội dung của hình ảnh mà em muốn diễn tả.  - HS nhận xét bạn  - HS đóng vai một bạn HS nam đang cùng trao đổi với một vài bạn.  + Bạn nam hỏi các bạn: Chúng mình cần làm gì để giữ gìn cảnh đẹp quê hương?  + Bạn nữ trả lời: Chúng mình cần bảo vệ môi trường.  - HS đưa ra các ý kiến của mình về những hành vi nên và không nên làm để giữ gìn cảnh đẹp quê hương.   * HS theo dõi |
| ***C/ Hoạt động luyện tập và vận dụng*** |  |
| **Hoạt động 2. Đóng vai** | |
| ***\*Mục tiêu:***  - HS biết thể hiện ý tưởng của mình trong việc xử lý các tình huống giữ gìn cảnh đẹp quê hương khi đóng vai. | |
| ***\* Cách tiến hành :***  - YC HS xem tranh trong SGK để nhận ra được các hành vi của các bạn trong các tình huống.  - GV tổ chức cho HS đóng vai theo nội dung của những bức tranh này.  - GV cho HS được thử sức một vài lần sao cho có nhiều em cũng được chơi đóng vai. | - HS quan sát tranh  - HS xung phong đóng vai theo nội dung của những bức tranh.  + Vai diễn về nhặt rác thải trên bãi biển bỏ vào thùng đựng rác;  + Vai diễn về bạn đang hái hoa ngoài công viên thì bạn khác chạy lại nhắc nhở.  - HS lần lượt lên đóng vai. |
| ***\* Kết luận:***  - Qua hoạt động đóng vai HS vui vẻ, hứng thú khi tự đặt mình vào tình huống thực tế và tự thực hiện một công việc tốt giúp giữ gìn cảnh đẹp quê hương. | - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **D/ Hoạt động vận dụng, trải nghiệm** |  |
| - Phụ đạo, bồi dưỡng học sinh.  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những việc cần làm để giữ gìn cảnh đẹp quê hương | \* **Phụ đạo, bồi dưỡng HS**  - HSHT:  + Đọc các số tròn chục: 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80. 90  + HS viết vở các số tròn chục theo thứ tự từ 10 đến 90  -HSCT:  + HS đọc lại các số tròn chuc  + GV hỗ trợ học sinh viết các số tròn chục vào vở.  - Lắng nghe |

**NS: 11/2/2023**

**ND: 17/2/2023**

**GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**GVC**

**Tiếng Việt( T263)**

Bài 116: **Kể Chuyện - Cây Khế**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Năng lực:**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể được từng đoạn câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Người hiền lành, tốt bụng sẽ gặp điều tốt lành. Người xấu xa, tham lam sẽ tự làm hại bản thân.

\* **Phẩm chất:**

- Biết yêu thương và sống hiền lành, tốt bụng

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, máy chiếu, sách điện tử...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:** GV bắt nhịp bài hát | - HS hát. |
| **2. Kết nối:**  - GV gắn lên bảng 6 tranh minh họa chuyện Mèo con bị lạc, mời :  + HS 1 trả lời câu hỏi theo 3 tranh đầu;  + HS 2 kể chuyện theo 3 tranh cuối. | - Cả quan sát  + HS trả lời  + HS kể chuyện.. |
| **B) Hoạt động Hình thành kiến thức mới** | |
| **1. Chia sẻ và Giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)  **- Quan sát và phỏng đoán:**  + GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ, chỉ tranh: Người anh, người em, cây khế, chim phượng hoàng đang ăn khế.  + Tranh cuối cùng vẽ cảnh gì?  + GV: Hãy đoán câu chuyện kể về điều gì?  **- Giới thiệu câu chuyện:** Câu chuyện Cây khế kể về hai anh em có tính tình rất khác nhau: người em chăm chỉ, tốt bụng, người anh lười biếng, tham lam. Cuối cùng người anh chết chìm dưới biển. Vì sao người anh rơi xuống biển, các em hãy lắng nghe câu chuyện. | - HS theo dõi  - Cảnh chim bay sát mặt biển, người anh rơi xuống biển  - Kể về hai anh em với cây khế và chim phượng hoàng. Cuối chuyện, người anh rơi xuống biển, chết chìm  - Lắng nghe |
| **2. Khám phá: Nghe kể chuyện:**  - GV kể chuyện 3 lần với giọng diễn cảm. Kể nhấn giọng, gây ấn tượng với các từ ngữ gợi tả, gợi cảm làm rõ tính cách tham lam của người anh, lòng tốt, sự thật thà của người em.  - GV kể 3 lần.  + Lần 1: kể không chỉ tranh.  + Lần 2: vừa chỉ từng tranh vừa kể chậm.  + Lần 3: kể như lần 2 để khắc sâu nội dung câu chuyện.  **Cây khế**  (1) Nhà kia có hai anh em. Người anh tham lam, lười biếng, còn người em thì tốt bụng, chăm chỉ.  (2) Người anh lấy vợ, cho em ra ở riêng. Anh ta chỉ chia cho em một cây khế. Người em ra sức chăm bón cho cây. Chẳng bao lâu, cây khế ra rất nhiều quả ngọt.  (3) Người em định hái khế đem bán thì có một con chim phượng hoàng rất to ngày nào cũng bay tới ăn khế. Người em không nỡ đuôi chim nhưng rất buồn. Thấy vậy, phượng hoàng bảo: “Ăn một quả, trả một cục vàng! May túi ba gang, mang đi mà đựng”.  (4) Rồi một hôm, phượng hoàng tới, đưa người em đến một hòn đảo giữa biển. Ở đó có một cái hang có rất nhiều vàng bạc, châu báu. Người em nhặt một ít vàng bạc cho vào túi ba gang. Từ đó, người em trở nên giàu có.  (5) Thấy em giàu có, người anh lân la hỏi. Người em thật thà kể lại mọi chuyện. Người anh liền đòi đổi nhà cửa, ruộng vườn của mình lấy cây khế.  (6) Năm ấy khế chín, phượng hoàng lại đến ăn, lại hứa: “Ăn một quả, trả một cục vàng! May túi ba gang, mang đi mà đựng”. Sau đó, chim cũng chở người anh bay ra đảo. Nhưng vì anh ta tham lam, mang túi rất to, lấy rất nhiều vàng bạc nên khi bay qua biển, phượng hoàng đuối sức vì chở quá nặng, cánh nó sã xuống, người anh bị rơi xuống, chết chìm dưới biển sâu. | |
| **3. Phân tích:**  a) Mỗi HS trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh.  Với mỗi câu hỏi, GV có thể mời 2 HS tiếp nối nhau trả lời. Ý kiến của các em có thể lặp lại. GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi đầy đủ, thành câu .  - GV chỉ tranh 1, hỏi: Hai anh em nhà kia tính tình khác nhau thế nào ?  - GV chỉ tranh 2: Khi cho em ra ở riêng, người anh chia gì cho em?  - GV chỉ tranh 3: Chim phượng hoàng bay đến cây khế để làm gì? Nó hứa gì?  - GV chỉ tranh 4: Người em theo chim đi đâu và lấy được gì?  - GV chỉ tranh 5: Khi thấy em trở nên giàu có, người anh đã làm gì?  - GV chỉ tranh 6: Vì sao người anh rơi xuống biển?  b) Trả lời các câu hỏi ở 2 tranh liền nhau - GV hỏi một vài HS  c) Trả lời tất cả các câu hỏi dưới 6 tranh - GV hỏi (có thể lặp lại với HS 2) | - HS : Người anh tham lam, lười biếng còn người em thì tốt bụng, chăm chỉ.  - HS : Người anh chỉ chia cho em một cây khế.  - HS : Chim bay đến để ăn khế. Nó hứa: Ăn một quả, trả một cục vàng! May túi ba gang, mang đi mà đựng.  - HS : Người em theo chim đi đến một hòn đảo và lấy được vàng bạc châu báu đựng vào túi ba gang.  - HS : Người anh đòi đổi nhà cửa, ruộng vườn của mình lấy cây khế.  - HS : Người anh tham lam, lấy quá nhiều vàng bạc, vì thế khi bay qua biển, phượng hoàng đuối sức vì chở quá nặng, cánh nó sã xuống, người anh bị rơi xuống, chết chìm dưới biển sâu  - Mỗi HS trả lời câu hỏi ở 2 tranh liền nhau.  - HS trả lời tất cả các câu hỏi dưới 6 tranh. |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |
| **\* Kể chuyện theo tranh (GV** không nêu câu hỏi)  a) Một vài HS dựa vào 2 tranh minh hoạ, tự kể chuyện.  b) Một vài HS kể chuyện theo bất kì tranh nào bằng trò chơi ô cửa sổ (hoặc bốc thăm): GV chiếu lên màn hình ô cửa sổ được đánh số tương ứng với số thứ tự hình minh hoạ câu chuyện.  \* GV cất tranh, mời 1 HS giỏi kể chuyện không cần tranh (YC không bắt buộc).  - Sau mỗi bước, cả lớp và GV bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng, bạn kể to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể.  **\* Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - GV: Em thích nhân vật nào trong truyện, không thích nhân vật nào? Vì sao?  - GV kết luận: Người em chăm chỉ, tốt bụng, không tham, thấy vàng bạc rất nhiều cũng chỉ lấy vừa túi ba gang.  - GV: Có phải phượng hoàng giết hại người anh không? HS phát biểu,  - GV: Phượng hoàng không giết người anh. Vì tham lam, anh ta đã tự làm hại mình. Câu chuyện muốn nói: Ai chăm chỉ, tốt bụng sẽ gặp được điều tốt lành. Kẻ xấu xa, tham lam sẽ tự gieo hoạ cho bản thân. | - HS làm việc nhóm  - HS được mời sẽ chọn 1 ô cửa bất kì (VD, ô số 3). GV mở cửa sổ làm hiện ra tranh minh hoạ 1 đoạn truyện (VD, tranh 2). HS kể lại đoạn 2 theo tranh 2. GV mời HS khác với cách làm tương tự.  - 1 HS giỏi không nhìn tranh, kể toàn bộ câu chuyện (có thể mời thêm HS 2 kể).  - HS bình chọn bạn kể hay nhất.  - HS có thể thích người em, thích chim phượng hoàng, chê người anh.  - Phượng hoàng to, đẹp, đã hứa và làm đúng lời hứa. / Người anh lười biếng, tham lam (chia tài sản chỉ cho em một cây khế). Phượng hoàng bảo mang túi ba gang, anh ta mang túi rất to. Đến đảo, anh ta lấy vàng bạc đầy túi khiến phượng hoàng phải chở nặng, sã cánh, anh ta rơi xuống biển. |
| **D) Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm** | |
| - GV nhận xét tiết học; khen những HS kể chuyện hay.  - Yêu cầu HS về nhà kể cho người thân nghe ở lớp em đã học được điều gì hay.  - GV nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết kể chuyện Hoa tặng bà. | - HS lắng nghe. |

**Tiếng Việt( T264)**

Bài 117: **ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Bài học cho gà trống.

- Làm đúng BT điền dấu kết thúc câu: dấu chấm, dấu chấm hỏi.

- Tập chép đúng chính tả, cỡ chữ nhỏ 1 câu văn trong bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, máy chiếu, sách điện tử, vở bài tập, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:** GV bắt nhịp bài hát | - HS hát. |
| **2. Kết nối:**  \* Giới thiệu bài: Ôn tập | - HS quan sát, lắng nghe. |
| **B) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |
| **1. BT 1 (Tập đọc)**  a) GV chỉ hình minh hoạ bài Bài học cho gà trống: Bài đọc giải thích: Vì sao gà trống không bay cao được? Vì sao mặt gà trống lúc nào cũng đỏ?  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ: khướu, chích chòe, khuya, hội khoẻ, rong chơi, bay vút, xoè cánh, rơi bịch xuống, ngượng.  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có 6 câu.  - GV chỉ từng câu cho HS đọc  - Đọc tiếp nối từng câu.  - GV nhắc HS nghỉ hơi đúng ở câu dài: Hoạ mi, khướu, chích chòe tập bay từ sáng đến khuya/ để tham gia hội khoẻ.  e) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn); thi đọc cả bài.  g) BT về dấu câu (Điền dấu chấm, dấu chấm hỏi...).  - GV giải thích YC: Có 2 câu văn chưa đặt dấu kết thúc câu. Các em cần đặt dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi cuối mỗi câu cho phù hợp.  - GV chỉ bảng phụ,  - 1 HS lên bảng, đặt dấu kết thúc câu. GV chốt đáp án.  - Cả lớp đọc lại 2 câu văn hoàn chỉnh  - GV: Câu chuyện khuyên các em điều gì?  **2. BT 2. Tập chép**  - GV viết bảng câu văn (cỡ chữ nhỏ) nêu YC.  - Cho HS đọc lại câu văn.  - HS làm bài trong vở Luyện viết 1.  - Mời HS lên chia sẻ  - GV nhận xét  - GV chữa bài của HS (có thể chiếu một vài bài lên bảng), nhận xét chung. Thu bài của HS mang về để nhận xét, sửa chữa. | - Lắng nghe.  - Lắng nghe.  - HS luyện đọc(cá nhân, cả lớp)  - Lắng nghe.  - HS luyện đọc(cá nhân, cả lớp)  - Cá nhân, từng cặp.  - Luyện đọc theo hướng dẫn.  - HS thi đọc  - Lắng nghe hướng dẫn  - Cả lớp đọc 2 câu văn còn thiếu dấu kết thúc câu.  - HS làm bài vào VBT.  - 1 HS đọc kết quả.  - Cả lớp đọc lại 2 câu văn hoàn chỉnh:  a) Vì sao gà trống thua? (dấu chấm hỏi)  b) Đến bây giờ, gà trống vẫn đỏ mặt. (dấu chấm)  - HS phát biểu: Câu chuyện khuyên HS: Cần chăm chỉ luyện tập mới khoẻ mạnh, đạt được điều mình mong muốn  - Lắng nghe. HS nhắc lại  - Cả lớp đọc thầm lại câu văn, chú ý những từ các em dễ viết sai. VD: hoạ mi, khướu, chích chòe, khuya, chú ý vị trí đặt dấu thanh.  - HS chép vào vở Luyện viết 1 câu văn, tô chữ hoa H đầu câu (HS chép câu văn vào vở có thể viết chữ H in hoa).  - (Chữa bài) 1 HS lên bảng điền vần, hoàn chỉnh từ.  - HS viết xong, rà soát lỗi; đổi bài với bạn, sửa lỗi cho nhau.  - Theo dõi |
| **C) Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm** | |
| - Phụ đạo, bồi dưỡng học sinh.  - GV nhận xét tiết học; biểu dương những HS học tốt.  -Yêu cầu HS về nhà kể cho người thân nghe em đã học được điều gì hay ở lớp; xem trước bài 118 | \* **Phụ đạo, bồi dưỡng HS**  - HSHT:  + HS đọc đọc nối tiếp đọc bài:  **ưu, ươu, oa, oe, uê, ươ, uy, uya**  Tập đọc: **Bài Học cho gà trống**  + HS viết bảng con: hoạ mi, chích choè, hội khoẻ, xoè cánh, thuở đó.  + HS viết vở: Hoạ mi, khướu, chích choè tập bay từ sáng đến khuya.  -HSCT:  + HS đọc lại các âm vần đã học trong tuần: **ưu, ươu, oa, oe, uê, ươ, uy, uya** và âm vần hay nhầm lẫn  + Đọc lại bài **Bài học cho gà trống**.  - HS lắng nghe. |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM( T66)**

**GIỚI THIỆU CẢNH ĐẸP EM YÊU THÍCH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* **Phát triển năng lực ngôn ngữ**:

- Giúp HS rèn luyện kĩ năng trình bày ý kiến trước tập thể lớp về những cảnh đẹp của quê hương mà em yêu thích.

\* **Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Bước đầu biết hợp tác với bạn qua hình thức làm việc nhóm đôi

- Kiên nhẫn, biết quan sát

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Hoạt động mở đầu** | |
| **1. Khởi động:** Ổn định | HS hát bài... |
| **B) Hoạt động Hình thành kiến thức mới** | |
| **2. Các bước sinh hoạt:**  **2.1. Nhận xét trong tuần 22**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,* *đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần. | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện………………………….  …………………………………………………  - Lắng nghe để thực hiện. |
| **C) Hoạt động Luyện tập, thực hành** | |
| ***2.2.Phương hướng tuần 23***  - Thực hiện dạy tuần 23, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. Giới thiệu cảnh đẹp em yêu thích***  - GV cho giới thiệu bức ảnh đẹp về cảnh đẹp quê hương mà bản thân yêu thích.  - GV mời 2 đến 3 HS trình bày ý kiến của mình về cảnh đẹp mà em đã chọn. GV gợi ý nội dung cần giới thiệu về cảnh đẹp quê hương, chẳng hạn như:  + Cảnh đẹp ở đâu, vì sao em lại thích cảnh đẹp đó, em có thể hỏi cả lớp xem có ai đã biết hoặc từng ngắm trực tiếp cảnh đẹp này chưa.  - GV khen ngợi những HS đã giới thiệu rất cụ thể cho các bạn trong lớp cùng biết về cảnh đẹp quê hương. | - Lắng nghe để thực hiện.  - HS lựa chọn những bức ảnh đẹp về cảnh đẹp quê hương mà bản thân yêu thích để mang tới lớp giới thiệu cho các bạn và thầy/cô cùng nghe. Các em trong từng bàn giới thiệu cho nhau về bức ảnh của mình.  - HS trình bày ý kiến.  - Lắng nghe. |
| **D) Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm** | |
| - Tổ chức cho HS thi hát và biểu diễn giữa các tổ, nhóm.  - GV nhận xét, tuyên dương. |  |

BỒI DƯỠNG PHỤ ĐẠO

**ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Viết đúngcác vần **uê, uơ, uy, uya** các tiếng **hoa huệ, huơ vòi, tàu thủy, đêm khuya** - chữ thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ, đúng kiểu, đều nét.

- Chữ viết rõ ràng, đều nét, đặt dấu thanh đúng vị trí.

**II. CHUẨN BỊ**

- Bảng phụ viết các vần, từ cần viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. KT bài cũ**  - GV gọi 2 HS lên bảng đọc và viết: bơi lội.  - GV nhận xét.  **B. Dạy bài mới**.  **Các hoạt động dạy học:**  **Hoạt động 1: Giới thiệu** **bài:**  - GV treo bảng phụ giới thiệu nội dung bài học.  **Hoạt động 2. Luyện tập:**  *Mục tiêu:* viết đúng, đẹp các vầnvà tiếng.  *Phương pháp:* Phân tích ngôn ngữ, luyện theo mẫu.  *Các bước tiến hành:*  a) Cho HS nhìn bảng đọc: **uê, uơ, uy, uya hoa huệ, huơ vòi, tàu thủy, đêm khuya**  b) Tập viết: ui, ưi, ngọn núi, gửi thư.  - Cho HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết vần ui, ưi, tiếng ngọn núi, gửi thư.  - GV nhận xét.  - GV vừa viết từng chữ ghi vần, tiếng, vừa HD độ cao của các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh.  - Cho HS viết các vần, tiếng trong vở Luyện viết 1, tập 1.  - Trước khi HS viết bài GV nhắc nhở HS cách cầm bút, tư thế ngồi viết và cách chữa lỗi trong bài.  c) Tập viết: **uy, uya, tàu thủy, đêm khuya**  GV HD tương tự phần b.  GV HD học sinh hoàn thành phần Luyện tập thêm.  - GV quan sát giúp đỡ HS còn chậm, còn lúng túng.  - GV nhận xét.  **3.Củng cố - chấm bài**  - GV nhận xét tiết học.  - GV cùng HS bình chọn những bạn viết sạch, đẹp nhất tiết học để tuyên dương. | - HS lên bảng đọc và viết: bơi lội.  - Lớp theo dõi nhận xét.  - HS quan sát và lắng nghe.  Hình thức: cả lớp, cá nhân.  - HS quan sát và đọc các chữ: ui, ưi, uôi, ươi, ngọn núi, gửi thư, dòng suối, quả bưởi.  - HS quan sát các chữ trên bảng lớp.  - Vần **uê**: chữ **u** viết trước, chữ **ê** viết sau. Chú ý nối nét từ **u** sang **ê**.  - Vần **uơ**: chữ **u** viết trước, chữ **ơ** viết sau. Chú ý nối nét từ **u** sang **ơ**.  **- hoa huệ**  - **huơ tay**  - Chữ y, chữ h cao 5 li  - Chữ u, ư, o,a ơ cao 2 li.  - HS theo dõi  - HS luyện viết các chữ vào bảng con.  - HS viết vở luyện viết.  - HS viết: **uy, uya, tàu thủy, đêm khuya**  vào vở luyện viết.  - HS theo dõi bình chọn những bạn viết sạch, đẹp để GV nhận xét tuyên dương. |

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

VỪA VUI VỪA HỌC

I.yêu cầu cần đạt:

Giúp học sinh kiên nhẫn lắng nghe lời giải thích của cha mẹ để hiểu lí do,cha mẹ từ chối lời yêu cầu của mình.

Hình thành thói quen kiên nhẫn..

II. Chuẩn bị; tranh sgk

III. Hoạt động dạy và học:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động dạy | Hoạt động học |
| \*Nhận biết:  GV cho HS quan sát tranh và mô tả những việc em đã làm.  .  GV: Giúp các em tự tin trong mọi tình huống.  \*Ứng xử  Quan sát hình minh họa và mô tà cách ứng xử của các bạn trong hình bên dưới khi yêu cầu không cần đáp ứng..  GV: Hình thành thói quen kiên nhẫn  \*Trải nghiệm  Hoạt động nhóm  Các thành viên trong nhóm đóng vai cha mẹ và con trong những tình huống sau.  GV: Hình thành thói quen hiểu được cảm xúc của người khác.  \* Củng cố:  \* Nhận xét | HS quan sát tranh  Giành đồ của người khác  Khóc lóc  Đeo bám để đòi cho bằng được  Buồn bã chán nản.  Căng thẳng  Tỏ thái độ khó chịu  Không hợp tác.  Bình tĩnh suy nghĩ lí do cha mẹ từ chối yêu cầu của mình.  Hỏi ý kiến người khác vì sao cha mẹ không thực hiện mong muốn của mình.  Thuyết phục cha mẹ yêu cầu của chính mình là chính đáng.  Chăm ngoan hơn để lần sau cha mẹ đồng ý yêu cầu của mình.  Chia nhóm  Con xin mẹ mua điện thoại duy động  Con xin cha mẹ đi du lịch mùa hè  Con xin cha mẹ đi ăn ở nhà hàng.. |

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

**ÔN TẬP**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Bài học cho Gà Trống
* Tập chép đúng kiểu chữ, cỡ chữ, đúng chính tả 1 câu văn.

1. **CHUẨN BỊ**

- BGĐT,Thẻ để HS viết ý đúng trong BT đọc hiểu.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **Giới thiệu bài**   * 1 HS đọc lại bài Tập đọc *Bài học cho gà trống.* | -HS đọc |
| 1. **Tập đọc** |  |
| * 1. **BT 1** (Tập đọc)  1. GV đưa tranh:   + Tranh vẽ gì?   1. GV đọc mẫu 2. Luyện đọc từ ngữ:**khướu, chích chòe, thuở đó.** Giải nghĩa từ: *rong chơi, ngượng.* 3. Luyện đọc câu  * GV: Bài có mấy câu? * GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). GV sửa lồi phát âm cho HS. * Đọc câu bất kì  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn - thi đọc cả bài.   - HS đọc theo nhóm.  - HS thi đọc bài trước lớp.  g) Tìm hiểu bài đọc  - Vì sao gà trống lại thua?   * GV: Em nhận xét gì về gà trống?   **BT 2** (Tập chép)   * GV viết lên bảng câu văn cần tập chép. | -HS trả lời  - HS trả lời  -HS luyện đọc  -HS thi đọc nối tiếp đoạn  - HS trả lời  -HS trả lời |
| Cả lớp đọc thầm câu văn; chú ý những từ mình dễ viết sai. VD: *phục, lắm.*   * HS nhìn mẫu trên bảng / trong VBT, chép lại câu văn. * Yêu cầu HS viết xong, tự soát lỗi, đổi bài để sửa lỗi cho nhau. * GV chữa bài cho HS.Nhận xét | -HS (cá nhân, cả lớp) đọc câu văn.  -HS đọc thầm  -HS chép  -HS viết , tự soát lỗi, đổi bài để sửa lỗi cho nhau. |
| **3/ Củng cố, dặn dò:**  Về nhà ôn lại bài |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |